

Số: 351 /TTYT-KHN

Liên Bảo, ngày 01 tháng 10 năm 2025

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành
Điều chỉnh lần 1**

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Bắc Ninh.

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Trung tâm Y tế Tiên Du

Số giấy phép hoạt động: 600/BN-GPHĐ, Cơ quan cấp: Sở Y tế Bắc Ninh, cấp ngày 14 tháng 7 năm 2025.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa (Chuyên khoa Nội; Da liễu; Ngoại; Mắt; Răng Hàm Mặt; Tai Mũi Họng; Phụ sản; Y học cổ truyền; PHCN; Xét nghiệm; Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng...).

Địa chỉ: Thôn Hoài Trung, xã Liên Bảo, tỉnh Bắc Ninh.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Bác sĩ Lê Việt An; Số CCHN: 0001739/BN-CCHN, do Sở Y tế Bắc Ninh cấp ngày 26/11/2013; Phạm vi hoạt động chuyên môn: Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội.

Điện thoại liên hệ: 0965321919

Email: ttyttiendu@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành: (Phụ lục 1)
 2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: 77 người (Phụ lục 2)
 3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác: Không
 4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành (Tiếp nhận tối đa tại một thời điểm): 385 người.
 5. Chi phí hướng dẫn thực hành: Không thu phí.
- Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.
Tài liệu gửi kèm bản công bố: *Quyết định ban hành nội dung thực hành./.*

GIÁM ĐỐC



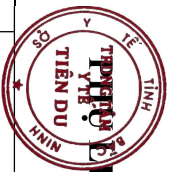
Lê Việt An



PHỤ LỤC 1. ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Công văn số 351 /TTYT-KHNV ngày 01/10/2025)

STT	Đối tượng hướng dẫn thực hành	Chuyên ngành tiếp nhận thực hành (12)
1	Chức danh Bác sỹ (05)	Bác sỹ Y khoa
		Bác sỹ Y học cổ truyền
		Bác sỹ Răng Hàm Mặt
		Bác sỹ Y học dự phòng
		Bác sỹ chuyên khoa (08): Nội; Ngoại; Sản; Nhi; Mắt; Tai Mũi Họng; Phục hồi chức năng; Chẩn đoán hình ảnh
2	Chức danh Y sỹ (02)	Y sỹ đa khoa
		Y sỹ Y học cổ truyền
3	Chức danh điều dưỡng (01)	Điều dưỡng
4	Chức danh hộ sinh (01)	Hộ sinh
5	Chức danh Kỹ thuật y (03)	Kỹ thuật Y Xét nghiệm y học
		Kỹ thuật Y Hình ảnh y học
		Kỹ thuật Y Phục hồi chức năng



LỤC 2. DANH SÁCH NGƯỜI HƯỞNG DẪN THỰC HÀNH VÀ SỐ LƯỢNG HỌC VIÊN
(Ban hành kèm theo Công văn số 351 /TTYT-KHNV ngày 01/10/2025)

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
1	Lê Việt An	BSCK Nhi, BS CKII Nội khoa	0001739/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	
2	Nguyễn Hữu Mùi	BSYK, BSCKII Nhi - TN	001743/BN-CCHN	04/01/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
3	Nguyễn Thị Thắm	BSYHDP	005509/BN-CCHN	25/09/2020	Bác sĩ	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Ngoài, BSYHDP, YSDK	
4	Nguyễn Diệu Hương	BSDK, BSCKII Nội khoa	0001745/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	
5	Trần Văn Thành	BSDK, BSCKI Nội khoa	0002973/BN-CCHN	28/05/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	
6	Trần Thị Thùy Linh	BSDK, Định hướng CK Da liễu	0003614/BN-CCHN	25/02/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
7	Trần Thị Thu Thảo	BSDK	005255/BN-CCHN	09/03/2020	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
8	Nguyễn Thị Thanh Hoa	BS Y Đa khoa	005647/BN-CCHN	29/01/2021	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
9	Nguyễn Thị Tuyết	BSDK	0003691/BN-CCHN	11/03/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội, Nội tiết	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
10	Nguyễn Xuân Chinh	BSDK	004966/BN-CCHN	03/11/2000	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
11	Phạm Thùy Trang	BSDK	005755/BN-CCHN	08/09/2021	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
12	Nguyễn Thị Ngọc	BSDK, DHCK Nội Tim Mạch	003823/BN-CCHN	15/06/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Tim mạch	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	
13	Nguyễn Thị Trang	BSDK	04619/BN-CCHN	29/11/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
14	Nguyễn Xuân Thu	BSDK	005125/BN-CCHN	18/09/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
15	Vũ Văn Hải	BSDK, BSCKI Ngoại khoa	004163/BN-CCHN	13/02/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Ngoại - Sản	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Ngoại, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK	
16	Nguyễn Duy Trường	BSYK	005945/BN-CCHN	01/04/2022	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, YSDK	
17	Nguyễn Đức Dương	BSDK, BSCKI TMH	0001708/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Tai Mũi Họng	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK TMH, BSYHDP, YSDK	
18	Nguyễn Việt Dũng	BSDK, BSCKI Nhân khoa	002972/BN-CCHN	09/05/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Mắt	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Mắt BSYHDP, YSDK	
19	Đào Thị Hằng Nga	BSRHM	4286/BN-CCHN	14/07/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Răng Hàm Mặt	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSCK RHM	
20	Vũ Thị Đức	BSRHM	02692/BN-CCHN	22/05/2018	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Răng Hàm Mặt	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSCK RHM	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
21	Nguyễn Đức Kiên	BSDK, DHCK Tai Mũi Họng	004973/BN-CCHN	10/04/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Tai Mũi Họng	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK TMM, BSYHDP, YSDK	
22	Lê Thị Minh Nguyệt	BSDK, Thạc sỹ Y học	000735/BN-CCHN	14/05/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Phụ sản	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK, Hộ sinh,	
23	Nguyễn Văn Xô	BSDK	0002969/BN-CCHN	28/05/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Sản phụ khoa	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK, Hộ sinh,	
24	Dương Thị Nguyệt Nga	BSDK, BSCKI Sản phụ khoa	0001710/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Sản - Siêu âm tổng quát	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK, Hộ sinh,	
25	Hán Thị Liên	BSDK	004135/BN-CCHN	13/02/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Sản - Phụ khoa	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK, Hộ sinh,	
26	Hoàng Thị Nhân	BSDK	005020/BN-CCHN	13/05/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh Sản phụ khoa	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Sản, BSYHDP, YSDK, Hộ sinh,	
27	Hoàng Thị Yến	BSDK	0001726/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
28	Đào Tiến Điện	BSDK, BSCKI Tuyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới	005166/BN-CCHN	11/11/2019	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
29	Đỗ Thị Thịnh	BSDK, BSCKI Nhi khoa	000221/BN-CCHN	15/06/2016	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
30	Nguyễn Thế Luân	BSYK, BSCKI YHCT	0001758/BN-CCHN	26/11/2013	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, YSYHCT	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bằng, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
31	Nguyễn Đức Thầu	BS, BSCKI YHCT	0002977/BN-CCHN	28/05/2015	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, YSYHCT	
32	Nguyễn Ngọc Hoàn	BSYHCT, DHCK PHCN	04245/BN-CCHN	09/06/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT - PHCN	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, BSPHCN, YSYHCT, KTPHCN	
33	Nguyễn Hữu Tuấn	BSYHCT, DHCK PHCN	0778/BN-CCHN	12/09/2018	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, YSYHCT	
34	Nguyễn Thị Chi	BSYHCT	001754/BN-CCHN	08/01/2020	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, YSYHCT	
35	Nguyễn Thị Thu Quỳnh	BSYHCT	0002763/BN-CCHN	22/10/2014	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, YSYHCT	
36	Nguyễn Thị Giang	BSYHCT, DHCK PHCN	4457/BN-CCHN	14/05/2017	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh bằng YHCT; PHCN	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHCT, BSPHCN, YSYHCT, KTPHCN	
37	Phạm Thị Thủy	BSDK	005257/BN-CCHN	09/03/2020	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
38	Nông Thị Ánh	BSYHDP	005257/BN-CCHN	09/03/2020	Bác sĩ	Phát hiện và xử trí các bệnh thông thường, xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYHDP	
39	Nguyễn Việt Tinh	BSDK	005256/BN-CCHN	09/03/2020	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh CK Nội - Nhi	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSCK Nhi, BSYHDP, YSDK	
40	Nguyễn Thị Đức	BSDK	0002388/BN-CCHN	16/05/2014	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa - SA tổng quát- Điện tim	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSYHDP, YSDK	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
41	Nguyễn Phụng Học	BSDK	0002491/BN-CCHN	21/07/2014	Bác sĩ	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội - Điện tim cơ bản	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSYK, BSCK Nội, BSYHDP, YSDK	
42	Ngô Thị Hạnh	BSDK, DHCK CDHA	000119/BN-CCHN	03/06/2022	Bác sĩ	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	BSCK Chẩn đoán hình ảnh	
43	Nguyễn Thị Thi	CN VLTL	04706/BN-CCHN	27/07/2018	Bác sĩ	Kỹ thuật viên Vật lý trị liệu	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY PHCN	
44	Ngô Thị Hồng Duyên	Cao đẳng VLTL/PHCN	0001728/BN-CCHN	09/03/2020	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật Vật lý trị liệu - PHCN	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY PHCN	
45	Đỗ Thị Hương	Cao đẳng PHCN	4404/BN-CCHN	28/09/2017	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên PHCN	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY PHCN	
46	Bùi Thị Tuyền	CNPHCN	003793/BN-CCHN	29/08/2016	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên VLTL - PHCN	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY PHCN	
47	Ngô Văn Mừng	CN Kỹ thuật hình ảnh Y học	003828/BN-CCHN	17/10/2016	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên Hình ảnh Y học	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY HAYH	
48	Nguyễn Tất Tiến	CN Kỹ thuật hình ảnh Y học	005370/BN-CCHN	30/06/2020	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên Chẩn đoán hình ảnh	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY HAYH	
49	Dương Quỳnh Khôi	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	0001719/BN-CCHN	26/11/2013	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY HAYH	
50	Nguyễn Hữu Hào	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh Y học	005340/BN-CCHN	02/06/2020	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên Hình ảnh Y học	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY HAYH	
51	Nguyễn Thủy Ngọc	CN Xét nghiệm Y học	0001722/BN-CCHN	26/11/2013	Kỹ thuật Y	Xét nghiệm Huyết học, Sinh hóa, Vi sinh	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY XNYYH	
52	Nguyễn Thế Anh	CN Kỹ thuật Y học	004024/BN-CCHN	26/12/2016	Kỹ thuật Y	Kỹ thuật viên xét nghiệm	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY XNYYH	
53	Nguyễn Thị Yên	CN Xét nghiệm Y học	4389/BN-CCHN	01/09/2017	Kỹ thuật Y	Chuyên khoa Xét nghiệm	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY XNYYH	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
54	Hoàng Thị Kim Anh	CN Kỹ thuật xét nghiệm Y học	005402/BN-CCHN	22/07/2020	Kỹ thuật Y	Chuyên khoa Xét nghiệm	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY XNYYH	
55	Dương Phương Nam	CN Xét nghiệm Y học	0005167/BG-CCHN	30/03/2016	Kỹ thuật Y	Chuyên khoa Xét nghiệm	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	KTY XNYYH	
56	Nguyễn Hữu Khuyển	CKI Điều dưỡng	0001742/BN-CCHN	26/11/2013	Điều dưỡng	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
57	Nguyễn Thanh Hải	Cử nhân Điều dưỡng	0001732/BN-CCHN	09/03/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
58	Trần Thị Tuyền	Cử nhân Điều dưỡng	0001718/BN-CCHN	09/03/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
59	Trần Lê Phú	Cử nhân Điều dưỡng	0001753/BN-CCHN	09/03/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
60	Đỗ Thị Nga	CD Điều dưỡng	4374/BN-CCHN S	25/08/2017	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
61	Ngô Khắc Mạnh	CN Điều dưỡng	0001763/BN-CCHN	26/11/2013	Điều dưỡng	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2008	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
62	Nguyễn Thị Hoài Thu	CN Điều dưỡng	4876/BN-CCHN	20/11/2018	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
63	Vũ Thị Đức	CD Điều dưỡng	0003041/BN-CCHN	13/07/2015	Điều dưỡng	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
64	Nguyễn Thị Dăm	CN Điều dưỡng	004805/BN-CCHN	04/10/2018	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bản, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
65	Chu Tam Tuấn	CN Điều dưỡng	005520/BN-CCHN	25/09/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2016	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
66	Ngô Thị Thảo Hiền	CN Điều dưỡng	005815/BN-CCHN	26/11/2021	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
67	Nguyễn Thị Kiều May	CD Điều dưỡng	0001730/BN-CCHN	26/11/2013	Điều dưỡng	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
68	Nguyễn Thị Hương	CN Điều dưỡng	004807/BN-CCHN	04/10/2018	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
69	Nguyễn Phương Trung	CN Điều dưỡng	005398/BN-CCHN	22/07/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
70	Bùi Thu Uyên	CN Điều dưỡng	004095/BN-CCHN	26/12/2016	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
71	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	CN Điều dưỡng	0001759/BN-CCHN	09/03/2020	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
72	Nguyễn Thị Nhung	CN Điều dưỡng	0002976/BN-CCHN	28/05/2015	Điều dưỡng	QĐ số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
73	Nguyễn Thị Nga	CN Điều dưỡng	004806/BN-CCHN	04/10/2018	Điều dưỡng	TTLT số 26/2015 TTLT BYT-BNV ngày 7/10/2015	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Điều dưỡng	
74	Nguyễn Thị Phương	CD Hộ sinh	0001716/BN-CCHN	26/11/2013	Hộ sinh	Thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/03/2011	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	Hộ sinh	
75	Nguyễn Thị Hòa	YSYHCT	0001738/BN-CCHN	26/11/2013	YSYHCT	Khám bệnh, chữa bệnh YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	YSYHCT	

TT	Họ tên người HDTH	Văn bằng, chứng chỉ liên quan	Số CCHN	Ngày cấp	Chức danh chuyên môn hành nghề	Phạm vi hành nghề	TG đăng ký hành nghề tại cơ sở	HDTH các đối tượng	Ghi chú
76	Nguyễn Thị Phương	YSYHCT	0001740/BN-CCHN	26/11/2013	YSYHCT	Khám bệnh, chữa bệnh YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	YSYHCT	
77	Trần Thị Tuyên	YSYHCT	0001939/BN-CCHN	23/12/2013	YSYHCT	Khám bệnh, chữa bệnh YHCT	Toàn TG (7-17h từ T2 đến T6)	YSYHCT	
Tổng số người thực hành tiếp nhận tới đa tại 1 thời điểm: 77X5=385									

Số: 275 /QĐ-TTYT

Liên Bảo, ngày 01 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Tiên Du

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ TIỀN DU

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH 15 ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 01/2025/QĐ-UBND ngày 15/01/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - CĐT - QLCL.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Tiên Du:

(Có Khung chương trình, nội dung chi tiết kèm theo)

Điều 2. Trong quá trình thực hiện, Phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ - Chỉ đạo tuyến - Quản lý chất lượng có nhiệm vụ phối hợp với các khoa, phòng liên quan báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá Khung chương trình, nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh để điều chỉnh cho phù hợp với quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Kế hoạch - Nghiệp vụ - Chỉ đạo tuyến - Quản lý chất lượng, Tổ chức cán bộ - Hành chính quản trị, Tài chính - Kế toán, các khoa, phòng, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

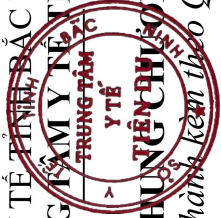
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHN.

GIÁM ĐỐC



Lê Việt An



KHUNG CHUẨN TRÌNH, NỘI DUNG THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm theo QĐ số: 275/QĐ-TTĐT ngày 01/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Dư)

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Số lượng DMKT được thực hiện theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PV/HN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
						TG (tháng)	Tại khoa	TG (tháng)	tại các khoa	
					3 =4+5	4		5		
I	Bác sĩ									
1		Y khoa	- Văn bằng bs y khoa trong nước - VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương - VB cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung	517 kỹ thuật, theo Phụ lục V	12	3	HSCC-TNT-GMHS	9	Khám bệnh: 01th, Nội: 02th, Ngoại: 01th, Phụ Sản: 01th; RHM-Mắt-TMH: 02th; YHCT-PHCN: 01th.	
2		YHCT	- Văn bằng bs y học cổ truyền trong nước - VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương - VB cử nhân YHCT nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung	998 kỹ thuật, theo Phụ lục VI	12	3	HSCC-TNT-GMHS	9	YHCT - PHCN	

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Số lượng DMKT được thực hiện theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PV/HN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
						TG (tháng)	Tại khoa	TG (tháng)	tại các khoa	
3		Răng hàm mặt	- Văn bằng bs RHM trong nước - VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương - VB cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung	348 kỹ thuật, theo Phụ lục VI	12	3	HSCC-TNT-GMHS	9	RHM - Mắt - TMH	
4		Y học dự phòng	- Văn bằng bs YHDP trong nước - VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương	325 kỹ thuật, theo Phụ lục VI	12	3	HSCC-TNT-GMHS	9	Khám bệnh: 02th, Nội: 02th, Ngoại: 01th, Nhi-TN: 01th, Phụ Sản: 01th; RHM-Mắt-TMH: 01th; YHCT-PHCN: 01th.	
5		Chuyên khoa: Nội; Ngoại; Sản; Nhi; Mắt; TMH; Phục hồi chức năng; Chẩn đoán hình ảnh	Đã có CCHN, có thêm văn bằng chuyên khoa theo quy định của pháp luật (TG cấp bằng chuyên khoa đến nay quá 24 tháng)	Số lượng danh mục kỹ thuật theo Phụ lục IX	12	3	HSCC-TNT-GMHS	9	Các Khoa chuyên khoa tương ứng	
			Đã có CCHN, học tiếp Chứng chỉ chuyên khoa cơ bản 9 tháng + thực hành 9 tháng về chuyên khoa đó		9			9	Các Khoa chuyên khoa tương ứng	

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Số lượng DMKT được thực hiện theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PV/HN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
						TG (tháng)	Tại khoa	TG (tháng)	tại các khoa	
II	Y sỹ									
6		Đa khoa	- Văn bằng cao đẳng y sỹ đa khoa trong nước - VB nước ngoài được Bộ LĐ TBXH công nhận tương đương - VB cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học - VB Trung cấp y sỹ trong nước và nước ngoài cấp trước 1/1/2027	- 293 Kỹ thuật theo Phụ lục X;	9	3	HSCC-TNT-GMHS	6	Nội: 1th, Ngoại: 1 th, Nhi - TN: 1 th, Phụ Sản: 1th; RHM - Mắt - TMH: 1th; YHCT - PHCN: 1th	
7		Y học cổ truyền	- Văn bằng cao đẳng y sỹ YHCT hoặc Cao đẳng YHCT trong nước - VB cao đẳng y sỹ YHCT/CD YHCT nước ngoài được Bộ LĐ TBXH công nhận tương đương - VB Trung cấp y sỹ YHCT, Trung cấp YHCT trong nước và nước ngoài cấp trước 1/1/2027	- 590 Kỹ thuật theo Phụ lục XI;	9	3	HSCC-TNT-GMHS	6	YHCT-PHCN	
III	Điều dưỡng									
8		Điều dưỡng	- VB trung cấp điều dưỡng trong nước - VB nước ngoài được Bộ LĐ TBXH công nhận tương đương TC ĐD - VB cao đẳng điều dưỡng trong nước	- 1251 Kỹ thuật theo Phụ lục XII;	6	1	HSCC-TNT-GMHS	5	Nội/Ngoại/Nhi - TN/RHM - Mắt - TMH	

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Số lượng DMKT được thực hiện theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PV/HN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
						TG (tháng)	Tại khoa	TG (tháng)	tại các khoa	
			- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CĐ ĐD - VB cử nhân điều dưỡng trong nước - VB cử nhân điều dưỡng nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận trình độ CNĐD							
IV	Hộ sinh									
9	Hộ sinh		- VB trung cấp hộ sinh trong nước - VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương TCHS - VB cao đẳng hộ sinh trong nước - VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CĐHS - VB cử nhân hộ sinh trong nước - VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CNHS	- 133 Kỹ thuật theo Phụ lục XI;	6	1	HSCC-TNT-GMHS	5	Phụ sản	
V	Kỹ thuật y									
10		Xét nghiệm Y học	- VB trung cấp KTXNYH trong nước - VB trung cấp KTXNYH nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương - VB cao đẳng KTXNYH trong nước - VB cao đẳng KTXNYH nước	- 133 Kỹ thuật theo Phụ lục XI;	6	1	HSCC-TNT-GMHS	5	Xét nghiệm	

TT	Chức danh chuyên môn	Phạm vi hành nghề	Yêu cầu về văn bằng chuyên môn	Số lượng DMKT được thực hiện theo Thông tư 32/2023/TT-BYT	Tổng TGTH (tháng)	Thực hành chuyên môn HSCC		Thực hành chuyên môn KBCB tương ứng với PVHN (hệ chuyên môn, thời gian, địa điểm)		Thực hành nội dung khác (nếu có)
						TG (tháng)	Tại khoa	TG (tháng)	tại các khoa	
			ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương - VB cử nhân KTXNYH trong nước - VB cử nhân KTXNYH nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương - VB cử nhân hóa học, sinh học, được sĩ trình độ đại học trong nước hoặc nước ngoài được công nhận + chứng chỉ/chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm tối thiểu 3 tháng hoặc vb đào tạo SDH về CKXN. (đến thời điểm kt năng lực) - VB trung cấp KTHAYH trong nước - VB trung cấp KTHAYH nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương - VB cao đẳng KTHAYH trong nước - VB cao đẳng KTHAYH nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương - VB cử nhân KTHAYH trong nước - VB cử nhân KTHAYH nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương							
11		Hình ảnh Y học			6	1	HSCC-TNT-GMHS	5	Chẩn đoán hình ảnh	

[illegible]



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ Y KHOA (ĐA KHOA)**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng Bác sĩ y khoa trong nước;
- VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương;
- VB cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

ST T	Khoa	Thời gian (tháng)	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu - TNT - GMHS	03	Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục V- Thông tư 32/2023/TT-BYT
2	Nội tổng hợp	02	
3	Ngoại	01	
4	Phụ Sản	01	
5	Nhi - TN	01	
6	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	02	
7	Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng	01	
8	Khám bệnh	01	
Tổng		12	

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu – Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp
4	Chẩn đoán và xử trí Shock
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
12	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết
14	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
6	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu tụt huyết áp
10	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
11	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
13	Chăm sóc ống nội khí quản
14	Chọc tháo dịch màng phổi
15	Chọc dịch ổ bụng
16	Đặt ống nội khí quản
17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bỏng
21	Thay canuyn mở khí quản
22	Thở oxy qua gọng kính
23	Thở oxy qua mặt nạ
24	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
25	Rửa dạ dày cấp cứu
26	Cho ăn qua ống thông dạ dày
27	Đặt ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông hậu môn
29	Định nhóm máu tại giường
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
II	Khoa Nội tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Tăng huyết áp
2	Bệnh Goute
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Cấp cứu hạ đường huyết
6	Hen phế quản cấp
7	Nhiễm trùng đường mật
8	Viêm bàng quang cấp
9	Đột quỵ não
10	Bệnh Đái tháo đường type 1,2
11	Hen phế quản
12	Loét dạ dày
13	Viêm gan mạn tính
14	Viêm tụy cấp
15	Xuất huyết tiêu hóa do giãn vỡ tĩnh mạch thực quản
16	Xuất huyết tiêu hóa cao do loét dạ dày
17	Xơ gan
18	Đái máu
19	Phù phổi cấp
20	Suy tim mạn tính
21	Viêm khớp nhiễm khuẩn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
22	Viêm phế quản cấp
23	Viêm phổi cộng đồng
24	Đau thắt ngực không ổn định
25	Đau thắt ngực ổn định
26	Điều trị COPD
27	Điều trị cơn nhịp nhanh
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi
3	Khí dung thuốc giãn phế quản
4	Điện tim thường
5	Nghiệm pháp atropin
6	Nghiệm pháp dây thắt
7	Đặt sonde bàng quang
8	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
9	Đặt ống thông dạ dày
10	Đặt ống thông hậu môn
11	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
12	Thụt tháo phân
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Gãy các xương chi trên
4	Gãy các xương chi dưới
5	Gãy thân xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
9	Trật khớp chi trên trong chấn thương
10	Điều trị bỏng người lớn
11	Trật khớp vai tái hồi
12	Trật khớp háng
13	Vết thương phần mềm
14	Viêm ruột thừa
15	Trĩ
16	Thủng dạ dày, tá tràng
17	Lồng ruột
18	Rò hậu môn
19	Tắc ruột
20	Chấn thương bụng kín
21	Chấn thương gan
22	Chấn thương bụng: Vỡ lách
23	Chẩn đoán đa chấn thương
24	Chấn thương thận
25	Sỏi thận

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
26	Sỏi niệu quản
27	Sỏi bàng quang
28	Sỏi kết niệu đạo
29	U xơ tiền liệt tuyến
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Tán sỏi niệu quản (kiến tập)
2	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản (kiến tập)
3	Dẫn lưu bàng quang
4	Thay băng, cắt chỉ
5	Khâu vết thương phần mềm
6	Cắt ruột thừa đơn thuần (kiến tập)
7	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
8	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
9	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động (kiến tập)
10	Phẫu thuật vết thương bàn tay
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp (kiến tập)
12	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
13	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
14	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
15	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
16	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
17	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
19	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
20	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
21	Nắn, bó bột trật khớp gối
22	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
23	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
24	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
25	Nắn, bó bột gãy xương chày
26	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
27	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
28	Nắn, bó bột trật khớp vai
29	Nắn, bó bột gãy xương đòn
30	Nẹp bột các loại, không nắn
IV	Khoa Nhi - TN
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Hội chứng thiếu máu
2	Suy hô hấp cấp
3	Viêm tiểu phế quản cấp
4	Viêm phổi
5	Viêm thanh quản cấp
6	Tiêu chảy cấp
7	Xử trí co giật
8	Bệnh chân tay miệng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
9	Cúm
10	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
11	Rối loạn điện giải
12	Nhiễm khuẩn tiết niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Đặt ống nội khí quản
2	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
3	Khí dung thuốc cấp cứu
4	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
5	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
6	Thở oxy gọng kính
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Cho ăn qua ống thông dạ dày
10	Thụt tháo phân
11	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
12	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
13	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
14	Vận chuyển người bệnh an toàn
15	Tiêm truyền thuốc
V	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
2	Ồi vỡ non, ồì vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non
5	Thai ngoài tử cung
6	Thai lưu
7	U xơ tử cung
8	U buồng trứng
9	Tăng huyết áp – tiền sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Viêm vú, viêm áp xe vú
12	Bệnh tuyến bartholin
13	Chửa vết mổ
14	Ngôi ngược
15	Ngôi ngang
16	Thai suy
17	Vỡ tử cung
18	Thai già tháng (thai quá ngày sinh)
19	Nhiễm khuẩn hậu sản
20	Bệnh tim và thai nghén
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Gây chuyển dạ bằng thuốc
2	Nghiệm pháp lọt ngôi chòm
3	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
5	Đỡ đẻ thường
6	Forceps
7	Giác hút
8	Soi ối
9	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
10	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
11	Cắt và khâu tầng sinh môn
12	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
13	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
14	Kỹ thuật bấm ối
15	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
16	Khám thai
17	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
18	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
19	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
20	Nạo hút thai trứng
21	Chích áp xe vú
22	Khám phụ khoa
23	Soi cổ tử cung
24	Làm thuốc âm đạo
25	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
26	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
27	Khám sơ sinh
28	Chăm sóc rốn sơ sinh
29	Tắm sơ sinh
30	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
31	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
32	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
33	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
VI	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
A	Răng hàm mặt
	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Răng khôn mọc lệch
2	Răng sâu sữa
3	Viêm tủy răng sữa
4	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng
5	Viêm quanh răng tiến triển chậm
6	Viêm lợi loét hoại tử cấp tính
7	Bệnh sâu răng
8	Viêm tủy răng
9	Viêm quanh cuống răng
10	Nang thân răng
11	Áp xe má
12	Viêm tuyến nước bọt mang tai do virus (Quai bị)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
13	Viêm tuyến nước bọt mang tai mạn tính
14	Viêm tuyến nước bọt dưới hàm do sỏi
15	Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Lấy cao răng
2	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
3	Nhổ chân răng vĩnh viễn
4	Nhổ răng thừa
5	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
6	Nhổ răng vĩnh viễn
7	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
8	Điều trị tủy răng sữa
9	Nhổ răng sữa
10	Nhổ chân răng sữa
	Mắt
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đục Thủy Tinh Thể
2	Viêm kết mạc cấp
3	Glocom góc đóng nguyên phát
4	Glocom góc mở nguyên phát
5	Viêm túi lệ
6	Bỏng giác mạc do hóa chất
7	Viêm loét giác mạc do vi khuẩn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
8	Viêm loét giác mạc do nấm
9	Viêm loét giác mạc do Herpes
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
2	Lấy dị vật giác mạc
3	Cắt bỏ chấp có bọc
4	Chích dẫn lưu túi lệ
5	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
6	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
7	Bơm thông lệ đạo
8	Khâu kết mạc
9	Thay băng vô khuẩn
10	Tra thuốc nhỏ mắt
11	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
12	Rửa cùng đồ
13	Cấp cứu bong mắt ban đầu
14	Rạch áp xe túi lệ
15	Soi đáy mắt trực tiếp
16	Đo thị lực
17	Thử kính
	Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Viêm phù nề thanh thiệt cấp tính

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
2	Viêm họng cấp tính
3	Viêm họng mạn tính
4	Viêm sụn vành tai
5	Viêm tai giữa mạn tính
6	Điếc đột ngột
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Chích rạch màng nhĩ
2	Khâu vết rách vành tai
3	Bơm hơi vòi nhĩ
4	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)
5	Chọc hút dịch vành tai
6	Chích nhọt ống tai ngoài
7	Làm thuốc tai
8	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
9	Phương pháp Proetz
10	Nhét bắc mũi sau
11	Nhét bắc mũi trước
12	Lấy dị vật mũi gậy tê/gậy mê
13	Rút meche, rút merocel hốc mũi
14	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
15	Chích áp xe sàn miệng
16	Cắt phanh lưỡi
17	Lấy dị vật họng miệng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	Lấy dị vật hạ họng
19	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
20	Bơm thuốc thanh quản
21	Khí dung mũi họng
22	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê
23	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
24	Cắt chỉ sau phẫu thuật
25	Thay băng vết mổ
26	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
VII	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	PHCN gãy xương chi trên
2	PHCN gãy xương chi dưới
3	PHCN Chấn thương sọ não
4	PHCN tổn thương dây thần kinh
5	PHCN Viêm quanh khớp vai
6	PHCN Vẹo cổ cấp
7	PHCN Thoát vị đĩa đệm cổ
8	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
9	PHCN Thoái hóa cột sống
10	PHCN sau đột quỵ
11	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
12	Đau thần kinh tọa (Tọa cốt phong)
13	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
14	Liệt VII ngoại biên (Khẩu nhãn oa tà)
15	Di chứng tai biến mạch máu não (Bán thân bất toại)
16	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
17	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
18	Bí đái cơ năng (Long bế)
19	Mất ngủ (Thất miên)
20	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
21	Sụp mí mắt (Châm nhãn, nhãn đơn)
29	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điện châm
2	Thủy châm
3	Cấy chỉ
4	Ôn châm
5	Cứu
6	Kéo giãn cột sống
7	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
8	Sắc thuốc thang
9	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
10	Xoa bóp bấm huyệt điều trị
11	Xoa bóp áp lực hơi
12	Cứu điều trị các bệnh lý
13	Điều trị bằng sóng ngắn
14	Điều trị bằng các dòng điện xung
15	Điều trị bằng điện phân
16	Điều trị bằng tia hồng ngoại

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
17	Điều trị bằng siêu âm
18	Tập vận động
19	Tập vận động có trợ giúp
20	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
21	Xông hơi thuốc
VIII	Khoa Khám bệnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh Tăng huyết áp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh Đái tháo đường
3	Chẩn đoán và điều trị bệnh suy giáp
4	Chẩn đoán và điều trị bệnh cường giáp
5	Chẩn đoán và điều trị bệnh mạch vành mạn
6	Chẩn đoán và điều trị rối loạn nhịp tim
7	Chẩn đoán và điều trị suy tim mạn
8	Chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1	Đo chức năng hô hấp
2	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
3	Đọc kết quả điện tim
4	Khí dung thuốc giãn phế quản
5	Lấy máu tĩnh mạch bẹn

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục V- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Trung tâm Y tế Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng Bác sĩ y học cổ truyền trong nước;
- VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương;
- VB cử nhân YHCT nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp
4	Chẩn đoán và xử trí Shock
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não

8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
12	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết
14	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
6	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu tụt huyết áp
10	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
11	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
13	Chăm sóc ống nội khí quản
14	Chọc tháo dịch màng phổi
15	Chọc dịch ổ bụng
16	Đặt ống nội khí quản

17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vô rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bỏng
21	Thay canuyn mở khí quản
22	Thở oxy qua gọng kính
23	Thở oxy qua mặt nạ
24	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
25	Rửa dạ dày cấp cứu
26	Cho ăn qua ống thông dạ dày
27	Đặt ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông hậu môn
29	Định nhóm máu tại giường
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
II	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đau cột sống thắt lưng (Yếu thống)
2	Đau thần kinh tọa (Tọa cốt phong)
3	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
4	Liệt VII ngoại biên (Khẩu nhãn oa tà)
5	Di chứng tai biến mạch máu não (Bán thân bất toại)
6	Tăng huyết áp vô căn (Huyền vụng)
7	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
8	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
9	Gout (Thống phong)
10	Bí đái cơ năng (Long bế)
11	Rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu khác (Chứng đàm)
12	Bệnh trĩ (Hạ trĩ)
13	Bại não trẻ em (Ngũ trì)

14	Mất ngủ (Thất miên)
15	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
16	Sụp mí mắt (Châm nhãn, nhãn đơn)
17	Đau dây thần kinh số V (Diện thống)
18	Viêm mũi dị ứng mạn (Tỵ khứu, tỵ cửu)
19	Hen phế quản mạn (Hảo suyễn)
20	Viêm xoang mạn (Tỵ uyên, tỵ lậu)
21	Điếc đột ngột (Nhĩ nung, nhĩ minh)
22	Thiếu năng tuần hoàn não (Đầu thống, huyễn vựng)
23	Di chứng viêm não virus (Ôn bệnh)
24	Suy dinh dưỡng thể marasmus (Cam tích)
25	Viêm dạ dày và tá tràng (Vị quản thống)
26	Viêm gan virus mạn (Hiệp thống)
27	Bệnh phổi tắc nghẽn (COPD) (Khái suyễn)
28	Mày đay (Ẩn chẩn)
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điện Mãng châm
2	Nhĩ châm
3	Điện châm
4	Thủy châm
5	Cấy chỉ
6	Ôn châm
7	Cứu
8	Kéo giãn cột sống
9	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
10	Sắc thuốc thang
11	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
12	Xoa bóp bấm huyệt điều trị
13	Xoa bóp áp lực hơi
14	Cứu điều trị các bệnh lý
15	Điều trị bằng sóng ngắn
16	Điều trị bằng các dòng điện xung
17	Điều trị bằng điện phân

18	Điều trị bằng tia hồng ngoại
19	Điều trị bằng siêu âm
20	Tập vận động
21	Tập vận động có trợ giúp
22	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
23	Xông hơi thuốc

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề Bác sỹ Y học cổ truyền được quy định tại Phụ lục VI- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Trung tâm Y tế Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.
- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ RĂNG HÀM MẶT**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng Bác sĩ RHM trong nước
- VB nước ngoài được Bộ GDDT công nhận tương đương
- VB Cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ đại học + hoàn thành CT đào tạo bổ sung

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ RHM chưa có CCHN, Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa RHM; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng.

2.2. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian cho đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chuyên khoa cơ bản) tại Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp

2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp
4	Chẩn đoán và xử trí Shock
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
12	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết
14	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
6	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu tụt huyết áp
10	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
11	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
13	Chăm sóc ống nội khí quản
14	Chọc tháo dịch màng phổi
15	Chọc dịch ổ bụng
16	Đặt ống nội khí quản
17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng

18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bỏng
21	Thay canuyn mở khí quản
22	Thở oxy qua gọng kính
23	Thở oxy qua mặt nạ
24	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
25	Rửa dạ dày cấp cứu
26	Cho ăn qua ống thông dạ dày
27	Đặt ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông hậu môn
29	Định nhóm máu tại giường
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
II	Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Răng khôn mọc lệch
2	Răng sâu sữa
3	Viêm tủy răng sữa
4	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng
5	Viêm quanh răng tiến triển chậm
6	Viêm lợi loét hoại tử cấp tính
7	Bệnh sâu răng
8	Tổn thương mô cứng của răng do không sâu
9	Viêm tủy răng
10	Viêm quanh cuống răng
11	Nang thân răng
12	Áp xe vùng cơ cắn
13	Áp xe má
14	Viêm tuyến nước bọt mang tai do virus (Quai bị)
15	Viêm tuyến nước bọt mang tai mạn tính
16	Viêm tuyến nước bọt dưới hàm do sỏi
17	Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
B	Dịch vụ kỹ thuật

	RĂNG
1	Phẫu thuật cấy ghép Implant
2	Cấy ghép Implant tức thì sau nhổ răng
3	Phẫu thuật cắt lợi điều trị túi quanh răng
4	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng
5	Phẫu thuật nạo túi lợi
6	Phẫu thuật tạo hình nhú lợi
7	Liên kết cố định răng lung lay bằng nẹp kim loại
8	Liên kết cố định răng lung lay bằng dây cung kim loại và Composite
9	Điều trị áp xe quanh răng cấp
10	Điều trị áp xe quanh răng mạn
11	Điều trị viêm quanh răng
12	Chích áp xe lợi
13	Lấy cao răng
14	Điều trị tủy răng có sử dụng siêu âm và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội.
15	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội
16	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay
17	Lấy tủy buồng răng vĩnh viễn
18	Điều trị tủy răng ngoài miệng (răng bị bật, nhỏ)
19	Điều trị tủy lại
20	Phẫu thuật nội nha có cắt bỏ chân răng và một phần thân răng
21	Phẫu thuật nội nha - hàn ngược ống tủy
22	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement (GIC) kết hợp Composite
23	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite
24	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Amalgam
25	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Glasslonomer Cement
26	Phục hồi cổ răng bằng Glasslonomer Cement
27	Phục hồi cổ răng bằng Composite
28	Phục hồi thân răng có sử dụng pin ngà
29	Veneer Composite trực tiếp
30	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt
31	Điều trị nhạy cảm ngà bằng thuốc bôi (các loại)
32	Veneer Composite gián tiếp
33	Tháo cầu răng giả

34	Tháo chụp răng giả
35	Nắn chỉnh răng lạc chỗ sử dụng khí cụ cố định
36	Làm dài thân răng lâm sàng sử dụng khí cụ cố định
37	Gắn mắc cài mặt ngoài bằng kỹ thuật gián tiếp
38	Làm trôi các răng hàm nhỏ hàm dưới sử dụng khí cụ gắn chặt
39	Đóng khoảng răng sử dụng khí cụ cố định
40	Điều chỉnh độ nghiêng răng bằng khí cụ cố định
41	Duy trì kết quả điều trị nắn chỉnh răng bằng khí cụ tháo lắp
42	Nắn chỉnh răng xoay sử dụng khí cụ tháo lắp
43	Giữ khoảng răng bằng khí cụ tháo lắp
44	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ
45	Phẫu thuật nhổ răng ngầm
46	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên
47	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới
48	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân
49	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng
50	Nhổ răng vĩnh viễn
51	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
52	Nhổ chân răng vĩnh viễn
53	Nhổ răng thừa
54	Phẫu thuật nhổ răng có tạo hình xương ổ răng
55	Phẫu thuật tạo hình xương ổ răng
56	Phẫu thuật nạo quanh cuống răng
57	Phẫu thuật cắt cuống răng
58	Phẫu thuật cắt, nạo xương ổ răng
59	Cắt lợi xơ cho răng mọc
60	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
61	Cắt lợi di động để làm hàm giả
62	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi
63	Phẫu thuật cắt phanh môi
64	Phẫu thuật cắt phanh má
65	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng
66	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
67	Trám bít hố rãnh với Glasslonomer Cement quang trùng hợp
68	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp
69	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp
70	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant

71	Trám bít hố rãnh bằng Glasslonomer Cement
72	Hàn răng không sang chân với Glasslonomer Cement
73	Phòng ngừa sâu răng với thuốc bôi bề mặt
74	Dự phòng sâu răng bằng máng có Gel Fluor
75	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
76	Lấy tủy buồng răng sữa
77	Điều trị tủy răng sữa
78	Nhổ răng sữa
79	Nhổ chân răng sữa
80	Chích Apxe lợi trẻ em
81	Điều trị viêm lợi trẻ em (do mảng bám)
	HÀM-MẶT
1	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép
2	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim
3	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây tê hoặc gây tê)
4	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt
5	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt
6	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức
7	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức
8	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm
9	Dẫn lưu máu tụ vùng miệng - hàm mặt
10	Sơ cứu gãy xương vùng hàm mặt
11	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt
12	Phẫu thuật mở xoang hàm để lấy chóp răng hoặc răng ngầm
13	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan tỏa vùng hàm mặt
14	Phẫu thuật rạch dẫn lưu áp xe nông vùng hàm mặt
15	Nắn sai khớp thái dương hàm
16	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê
17	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê
18	Chọc thăm dò u, nang vùng hàm mặt
19	Điều trị viêm lợi miệng loét hoại tử cấp

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục VIII- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các

buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Trung tâm Y tế Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng bs YHDP trong nước
- VB nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận tương đương

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 12 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

ST T	Khoa	Thời gian (tháng)	Ghi chú
1	Hồi sức cấp cứu – Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức	03	Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục VII- Thông tư 32/2023/TT-BYT
2	Nội tổng hợp	02	
3	Ngoại	01	
4	Phụ sản	01	
5	Nhi - TN	01	
6	Răng hàm mặt - Mắt Tai mũi họng	01	
7	Y học cổ truyền - PHCN	01	
8	Khám bệnh	02	
Tổng		12	

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu – Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Xử trí cấp cứu ngừng tuần hoàn - hô hấp
4	Chẩn đoán và xử trí Shock
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
12	Chẩn đoán và điều trị xuất huyết tiêu hóa
13	Chẩn đoán và điều trị nhiễm khuẩn huyết
14	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
6	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu tụt huyết áp
10	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
11	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
13	Chăm sóc ống nội khí quản
14	Chọc tháo dịch màng phổi
15	Chọc dịch ổ bụng
16	Đặt ống nội khí quản
17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bỏng
21	Thay canuyn mở khí quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
22	Thở oxy qua gọng kính
23	Thở oxy qua mặt nạ
24	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
25	Rửa dạ dày cấp cứu
26	Cho ăn qua ống thông dạ dày
27	Đặt ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông hậu môn
29	Định nhóm máu tại giường
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
II	Khoa Nội tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Tăng huyết áp
2	Bệnh Goute
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Cấp cứu hạ đường huyết
6	Hen phế quản cấp
7	Nhiễm trùng đường mật
8	Viêm bàng quang cấp
9	Đột quỵ não
10	Bệnh Đái tháo đường type 1,2
11	Hen phế quản
12	Loét dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
13	Viêm gan mạn tính
14	Viêm tụy cấp
15	Xuất huyết tiêu hóa do giãn vỡ tĩnh mạch thực quản
16	Xuất huyết tiêu hóa cao do loét dạ dày
17	Xơ gan
18	Đái máu
19	Phù phổi cấp
20	Suy tim mạn tính
21	Viêm khớp nhiễm khuẩn
22	Viêm phế quản cấp
23	Viêm phổi cộng đồng
24	Đau thắt ngực không ổn định
25	Đau thắt ngực ổn định
26	Điều trị COPD
27	Điều trị cơn nhịp nhanh
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi
3	Khí dung thuốc giãn phế quản
4	Điện tim thường
5	Nghiệm pháp atropin
6	Nghiệm pháp dây thắt
7	Đặt sonde bàng quang

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
8	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
9	Đặt ống thông dạ dày
10	Đặt ống thông hậu môn
11	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
12	Thụt tháo phân
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương chi trên
4	Gãy các xương chi dưới
5	Gãy thân xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
9	Trật khớp chi trên trong chấn thương
10	Điều trị bỏng người lớn
11	Trật khớp vai tái hồi
12	Trật khớp háng
13	Vết thương phần mềm
14	Viêm ruột thừa
15	Trĩ
16	Thủng dạ dày, tá tràng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
17	Lồng ruột
18	Rò hậu môn
19	Tắc ruột
20	Chấn thương bụng kín
21	Chấn thương gan
22	Chấn thương bụng: Vỡ lách
23	Chẩn đoán đa chấn thương
24	Chấn thương thận
25	Sỏi thận
26	Sỏi niệu quản
27	Sỏi bàng quang
28	Sỏi kẹt niệu đạo
29	U xơ tiền liệt tuyến
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Tán sỏi niệu quản (kiến tập)
2	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản (kiến tập)
3	Dẫn lưu bàng quang
4	Thay băng, cắt chỉ
5	Khâu vết thương phần mềm
6	Cắt ruột thừa đơn thuần (kiến tập)
7	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
8	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
9	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động (kiến tập)
10	Phẫu thuật vết thương bàn tay
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp (kiến tập)
12	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
13	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
14	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
15	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
16	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
17	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
18	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
19	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
20	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
21	Nắn, bó bột trật khớp gối
22	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
23	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
24	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
25	Nắn, bó bột gãy xương chày
26	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
27	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
28	Nắn, bó bột trật khớp vai
29	Nắn, bó bột gãy xương đòn
30	Nẹp bột các loại, không nắn
IV	Khoa Nhi - TN

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Hội chứng thiếu máu
2	Suy hô hấp cấp
3	Viêm tiểu phế quản cấp
4	Viêm phổi
5	Viêm thanh quản cấp
6	Tiêu chảy cấp
7	Xử trí co giật
8	Bệnh chân tay miệng
9	Cúm
10	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
11	Rối loạn điện giải
12	Nhiễm khuẩn tiết niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Đặt ống nội khí quản
2	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
3	Khí dung thuốc cấp cứu
4	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
5	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
6	Thở oxy gọng kính
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Cho ăn qua ống thông dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
10	Thụt tháo phân
11	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
12	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
13	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
14	Vận chuyển người bệnh an toàn
15	Tiêm truyền thuốc
V	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ồi vỡ non, ối vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non
5	Thai ngoài tử cung
6	Thai lưu
7	U xơ tử cung
8	U buồng trứng
9	Tăng huyết áp – tiền sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Viêm vú, viêm áp xe vú
12	Bệnh tuyến bartholin
13	Chửa vết mổ
14	Ngôi ngược
15	Ngôi ngang

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
16	Thai suy
17	Vỡ tử cung
18	Thai già tháng (thai quá ngày sinh)
19	Nhiễm khuẩn hậu sản
20	Bệnh tim và thai nghén
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Gây chuyển dạ bằng thuốc
2	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
3	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
4	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
5	Đỡ đẻ thường
6	Forceps
7	Giác hút
8	Soi ối
9	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
10	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
11	Cắt và khâu tầng sinh môn
12	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
13	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
14	Kỹ thuật bấm ối
15	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
16	Khám thai
17	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
19	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
20	Nạo hút thai trứng
21	Chích áp xe vú
22	Khám phụ khoa
23	Soi cổ tử cung
24	Làm thuốc âm đạo
25	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn
26	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
27	Khám sơ sinh
28	Chăm sóc rốn sơ sinh
29	Tắm sơ sinh
30	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
31	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
32	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
33	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
VI	Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng
	Răng hàm mặt
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Răng khôn mọc lệch
2	Răng sâu sữa
3	Viêm tủy răng sữa
4	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Viêm quanh răng tiến triển chậm
6	Viêm lợi loét hoại tử cấp tính
7	Bệnh sâu răng
8	Viêm tủy răng
9	Viêm quanh cuống răng
10	Nang thân răng
11	Áp xe má
12	Viêm tuyến nước bọt mang tai do virus (Quai bị)
13	Viêm tuyến nước bọt mang tai mạn tính
14	Viêm tuyến nước bọt dưới hàm do sỏi
15	Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Lấy cao răng
2	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
3	Nhổ chân răng vĩnh viễn
4	Nhổ răng thừa
5	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
6	Nhổ răng vĩnh viễn
7	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
8	Điều trị tủy răng sữa
9	Nhổ răng sữa
10	Nhổ chân răng sữa
	Mắt

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đục Thủy Tinh Thể
2	Viêm kết mạc cấp
3	Glocom góc đóng nguyên phát
4	Glocom góc mở nguyên phát
5	Viêm túi lệ
6	Bỏng giác mạc do hóa chất
7	Viêm loét giác mạc do vi khuẩn
8	Viêm loét giác mạc do nấm
9	Viêm loét giác mạc do Herpes
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
2	Lấy dị vật giác mạc
3	Cắt bỏ chớp có bọc
4	Chích dẫn lưu túi lệ
5	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
6	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
7	Bơm thông lệ đạo
8	Khâu kết mạc
9	Thay băng vô khuẩn
10	Tra thuốc nhỏ mắt
11	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
12	Rửa cùng đồ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
13	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
14	Rạch áp xe túi lệ
15	Soi đáy mắt trực tiếp
16	Đo thị lực
17	Thử kính
	Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Viêm phù nề thanh thiệt cấp tính
2	Viêm họng cấp tính
3	Viêm họng mạn tính
4	Viêm sụn vành tai
5	Viêm tai giữa mạn tính
6	Điếc đột ngột
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Chích rạch màng nhĩ
2	Khâu vết rách vành tai
3	Bơm hơi vòi nhĩ
4	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)
5	Chọc hút dịch vành tai
6	Chích nhọt ống tai ngoài
7	Làm thuốc tai
8	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
9	Phương pháp Proetz

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
10	Nhét bắc mũi sau
11	Nhét bắc mũi trước
12	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
13	Rút meche, rút merocel hốc mũi
14	Hút rửa mũi, xoang sau mũi
15	Chích áp xe sàn miệng
16	Cắt phanh lưỡi
17	Lấy dị vật họng miệng
18	Lấy dị vật hạ họng
19	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
20	Bơm thuốc thanh quản
21	Khí dung mũi họng
22	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê
23	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
24	Cắt chỉ sau phẫu thuật
25	Thay băng vết mổ
26	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
VII	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	PHCN gãy xương chi trên
2	PHCN gãy xương chi dưới
3	PHCN Chấn thương sọ não
4	PHCN tổn thương dây thần kinh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	PHCN Viêm quanh khớp vai
6	PHCN Vẹo cổ cấp
7	PHCN Thoát vị đĩa đệm cổ
8	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
9	PHCN Thoái hóa cột sống
10	PHCN sau đột quỵ
11	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
12	Đau thần kinh tọa (Tọa cốt phong)
13	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
14	Liệt VII ngoại biên (Khâu nhân oa tà)
15	Di chứng tai biến mạch máu não (Bán thân bất toại)
16	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
17	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
18	Bí đái cơ năng (Long bế)
19	Mất ngủ (Thất miên)
20	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
21	Sụp mí mắt (Châm nhãn, nhãn đơn)
29	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điện châm
2	Thủy châm
3	Cấy chỉ
4	Ôn châm
5	Cứu

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
6	Kéo giãn cột sống
7	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
8	Sắc thuốc thang
9	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
10	Xoa bóp bấm huyệt điều trị
11	Xoa bóp áp lực hơi
12	Cứu điều trị các bệnh lý
13	Điều trị bằng sóng ngắn
14	Điều trị bằng các dòng điện xung
15	Điều trị bằng điện phân
16	Điều trị bằng tia hồng ngoại
17	Điều trị bằng siêu âm
18	Tập vận động
19	Tập vận động có trợ giúp
20	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
21	Xông hơi thuốc
VIII	Khoa Khám bệnh
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh Tăng huyết áp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh Đái tháo đường
3	Chẩn đoán và điều trị bệnh suy giáp
4	Chẩn đoán và điều trị bệnh cường giáp
5	Chẩn đoán và điều trị bệnh mạch vành mạn
6	Chẩn đoán và điều trị rối loạn nhịp tim
7	Chẩn đoán và điều trị suy tim mạn
8	Chẩn đoán và điều trị cơn đau thắt ngực
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
10	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
B	Các dịch vụ kỹ thuật
1	Đo chức năng hô hấp
2	Theo dõi thân nhiệt với nhiệt kế thường qui
3	Đọc kết quả điện tim
4	Khí dung thuốc giãn phế quản
5	Lấy máu tĩnh mạch bẹn

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục VII- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Trung tâm Y tế Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NỘI**

(Kèm theo Quyết định số 275 /QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Nội khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại Khoa Nội tổng hợp.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Nội khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nội tổng hợp.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lỗ mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bong đường hô hấp
28	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nội tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Basedow
2	Bệnh Goute
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Cấp cứu hạ đường huyết
6	Hen phế quản cấp
7	Hen tim
8	Nhiễm trùng đường mật
9	Polyp ống tiêu hóa
10	Viêm bàng quang cấp
11	Xuất huyết não
12	Bệnh thận đái tháo đường
13	Trào ngược thực quản
14	Hen phế quản
15	Hội chứng thận hư nguyên phát ở người trưởng thành
16	Loét dạ dày
17	Viêm gan mạn tính
18	Viêm thận bể thận cấp
19	Viêm tụy cấp
20	Xuất huyết tiêu hóa do giãn vỡ tĩnh mạch thực quản
21	Xuất huyết tiêu hóa cao do loét dạ dày
22	Xơ gan
23	Đái máu

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Phù phổi cấp
25	Suy tim mạn tính
26	Viêm khớp nhiễm khuẩn
27	Viêm phế quản cấp
28	Viêm phổi cộng đồng
29	Đau thắt ngực không ổn định
30	Đau thắt ngực ổn định
31	Polyp ống tiêu hóa
32	Đái tháo đường type II
33	Đột quỵ nhồi máu não
34	Điều trị COPD
35	Điều trị cơn kịch phát trên thất
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. HÔ HẤP
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Chọc dò dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
3	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
4	Chọc dò dịch màng phổi
5	Khí dung thuốc giãn phế quản
	B. TIM MẠCH
6	Điện tim thường
7	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng thuốc
8	Nghiệm pháp atropin
	C. THẦN KINH
9	Chọc dò dịch não tủy
10	Điều trị trạng thái động kinh
11	Test chẩn đoán nhược cơ bằng thuốc
	D. THẬN TIẾT NIỆU
12	Đặt sonde bàng quang
13	Rửa bàng quang
	E. TIÊU HÓA
14	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm
15	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị
16	Đặt ống thông dạ dày
17	Đặt ống thông hậu môn
18	Rửa dạ dày cấp cứu
19	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
20	Thụt tháo phân

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Bệnh viện còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Trung tâm Y tế Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NGOẠI**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Ngoại khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa) tại khoa Ngoại.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Ngoại khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Ngoại.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lồng mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
28	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
	CHẤN THƯƠNG
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương vùng cổ chân
4	Gãy thân xương cánh tay
5	Gãy thân xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Chấn thương và vết thương tim
9	Gãy cổ xương đùi
10	Gãy đầu dưới xương quay
11	Thoái hóa khớp gối
12	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
13	Chấn thương gối, trật khớp gối cũ, tổn thương nhiều dây chằng gối
14	Trật khớp chi trên trong chấn thương
15	Điều trị bỏng người lớn
16	Thoát vị đĩa đệm cổ
17	Trật khớp vai tái hồi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	Trật khớp háng
19	Vết thương phần mềm
20	Vết thương thấu ngực
21	Trật khớp gối
22	Gãy khung chậu và ổ cối
	BỤNG, TIẾT NIỆU
23	Viêm ruột thừa
24	Trĩ
25	Thủng dạ dày, tá tràng
26	Lồng ruột
27	Rò hậu môn
28	Tắc ruột
29	Chấn thương bụng kín
30	Chấn thương gan
31	Chấn thương bụng: Vỡ lách
32	Chấn thương thận
33	Sỏi thận
34	Sỏi niệu quản
35	Sỏi bàng quang
36	Sỏi kẹt niệu đạo
37	U xơ tiền liệt tuyến
38	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO
1	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não
2	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính
3	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên
4	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên
5	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)
6	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não
	2. Phẫu thuật nhiễm trùng
7	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ
8	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ
9	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm không tái tạo đốt sống, bằng đường vào trực tiếp
10	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm có tái

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	tạo đốt sống bằng mảnh ghép và/hoặc cố định nẹp vít, bằng đường trực tiếp
	4. Dịch não tủy
11	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)
	B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC
	1. Cấp cứu chấn thương- vết thương ngực
12	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi
	2. Cấp cứu chấn thương- vết thương mạch máu
13	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi
	6. Lòng ngực
14	Phẫu thuật cắt u thành ngực
15	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cặn, dây dính màng phổi
16	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi
	C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC
	1. Thận
17	Cắt toàn bộ thận và niệu quản
18	Cắt thận đơn thuần
19	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)
	2. Niệu quản
20	Nối niệu quản - đài thận
21	Cắt nối niệu quản
22	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
23	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại
24	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang
25	Đặt bộ phận giả niệu quản qua da
26	Nong niệu quản
27	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản
28	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
29	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ
30	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ
31	Cắt tinh mạc
32	Cắt mào tinh
33	Cắt hẹp bao quy đầu
34	Mở rộng lỗ sáo
35	Đặt tinh hoàn nhân tạo
	D. TIÊU HÓA
	2. Dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
36	Mở bụng thăm dò
37	Mở bụng thăm dò, sinh thiết
38	Cắt lại dạ dày
39	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng
40	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày
	4. Ruột non- Mạc treo
41	Tháo xoắn ruột non
42	Tháo lồng ruột non
43	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng
44	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)
45	Cắt ruột non hình chêm
46	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông
47	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài
48	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)
49	Cắt nhiều đoạn ruột non
50	Gỡ dính sau mổ lại
51	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng
	5. Ruột thừa- Đại tràng
52	Cắt ruột thừa đơn thuần
53	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng
54	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe
55	Dẫn lưu áp xe ruột thừa
56	Các phẫu thuật ruột thừa khác
57	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng
58	Khâu lỗ thủng đại tràng
59	Cắt túi thừa đại tràng
60	Cắt đoạn đại tràng nối ngay
61	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài
62	Làm hậu môn nhân tạo
	6. Trực tràng
63	Làm hậu môn nhân tạo
64	Lấy dị vật trực tràng
65	Cắt đoạn trực tràng nối ngay
66	Đóng rò trực tràng – âm đạo
67	Đóng rò trực tràng – bàng quang
68	Các phẫu thuật trực tràng khác
	7. Tầng sinh môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
69	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ
70	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch
71	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan – Morgan hoặc Ferguson)
72	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ
73	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng
74	Phẫu thuật Longo
75	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ
76	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)
77	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản
78	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp
79	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản
80	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn
81	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)
82	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)
83	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn
84	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ
85	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản
86	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp
87	Các phẫu thuật hậu môn khác
	Đ. GAN - MẬT - TỤY
	2. Mật
88	Mở thông túi mật
89	Cắt túi mật
90	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật
91	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật
92	Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật
93	Mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ
94	Mở nhu mô gan lấy sỏi
95	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột
96	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC
	1. Thành bụng - cơ hoành
97	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini
98	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice
99	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
100	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein
101	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát
102	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên
103	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi
104	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng
105	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác
106	Phẫu thuật rò, nang ống rốn trằng, niệu rốn
	2. Phúc mạc
107	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu
108	Lấy u phúc mạc
	G. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH
	1. Vùng vai-xương đòn
109	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai
110	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn
111	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn
112	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn
	2. Vùng cánh tay
113	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay
114	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay
115	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay
116	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay
117	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay
118	Phẫu thuật KHX phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương
119	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp
	3. Vùng cẳng tay
120	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu
121	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp
122	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia
123	Phẫu thuật KHX gãy đài quay
124	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp
125	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay
126	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới
127	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu
128	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương
129	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới quơn quay
130	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay
	4. Vùng bàn tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
131	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay
132	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay
133	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay
134	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn – ngón tay
135	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay
136	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay
137	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn – cổ tay
138	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)
	5. Vùng chậu
139	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu
140	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu
141	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu – trật khớp mu
142	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần
143	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp
	6. Vùng đùi
144	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi
145	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi – trật háng
146	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi
147	Phẫu thuật KHX gãy cổ máu chuyển xương đùi
148	Phẫu thuật KHX gãy liên máu chuyển xương đùi
149	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi
150	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi
151	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi
152	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi
153	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi
154	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi
155	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp
156	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi
	7. Khớp gối
157	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp
158	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè
	8. Vùng cẳng chân
159	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong
160	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài
161	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày
162	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày
163	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
164	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân
165	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần
166	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)
167	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân
168	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong
169	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài
170	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân
	9. Vùng gót chân-bàn chân
171	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên
172	Phẫu thuật KHX gãy xương gót
173	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót
174	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc
175	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân
176	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)
	10. Gãy xương hở
177	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân
178	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân
179	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân
180	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi
181	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi
182	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay
183	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay
184	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay
185	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay
186	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay
187	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay
188	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay
189	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
190	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
	11. Tổn thương phần mềm
191	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động
192	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động
193	Phẫu thuật vết thương bàn tay
194	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi
195	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
	12. Vùng cổ tay-bàn tay
196	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
197	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay
198	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay
199	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I
200	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay
201	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay
202	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay
203	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay
204	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới
205	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay
206	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay
207	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi
208	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng
209	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới
210	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay
211	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay
212	Tạo hình thay thế khớp cổ tay
	13. Vùng cổ chân-bàn chân
213	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân
214	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon
215	Cắt chấn thương cổ và bàn chân
216	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước
217	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I
218	Phẫu thuật tổn thương gân Achille
219	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên
220	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I
221	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình
222	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay
223	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu
224	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè
225	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi
226	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille
227	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muộn
228	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm
229	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối
	15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em
230	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
231	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM
232	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay
233	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET
234	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh
235	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay
236	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay
237	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu
238	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu
239	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia
240	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)
241	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay
242	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương
243	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác
244	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần
245	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương
246	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng
247	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần
248	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng
249	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương
250	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp
251	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)
252	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm
253	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay
254	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)
255	Phẫu thuật làm cứng khớp gối
256	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối
257	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi
258	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)
259	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu
260	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp
261	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp
262	Phẫu thuật điều trị gãy xương/ đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)
263	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
264	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ
265	Phẫu thuật nối gân duỗi/ kéo dài gân(1 gân)
266	Phẫu thuật nối gân gấp/ kéo dài gân (1 gân)
267	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)
268	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)
269	Phẫu thuật lấy bỏ u xương
270	Phẫu thuật ghép xương tự thân
271	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm
272	Lấy u xương (ghép xi măng)
273	Phẫu thuật U máu
274	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp
275	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi
276	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh
277	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ
278	Phẫu thuật vá da mỏng
279	Phẫu thuật viêm xương
280	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết
281	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài
282	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay
283	Phẫu thuật vết thương khớp
284	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương
	17. Nắn- Bó bột
285	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann
286	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng
287	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0
288	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X
289	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi
290	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi
291	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh
292	Bột Corset Minerve,Cravate
293	Nắn, bó bột gãy xương hàm
294	Nắn, bó bột cột sống
295	Nắn, bó bột trật khớp vai
296	Nắn, bó bột gãy xương đòn
297	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
298	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
299	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
300	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
301	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay
302	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay
303	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV
304	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
305	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
306	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
307	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
308	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles
309	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
310	Nắn, bó bột trật khớp háng
311	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng
312	Nắn, bó bột gãy mâm chày
313	Nắn, bó bột gãy xương chậu
314	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi
315	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật
316	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi
317	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè
318	Nắn, bó bột trật khớp gối
319	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
320	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
321	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
322	Nắn, bó bột gãy xương chày
323	Nắn, bó bột gãy xương gót
324	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
325	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn
326	Nắn, bó bột gãy Dupuytren
327	Nắn, bó bột gãy Monteggia
328	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân
329	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn
330	Nắn, cố định trật khớp hàm
331	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
332	Nẹp bột các loại, không nắn
	H. CỘT SỐNG
333	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng
334	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng
335	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
336	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu
337	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng
338	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)
340	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Bệnh viện còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA SẢN**

*(Kèm theo Quyết định số 275 /QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Sản phụ khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại khoa Phụ sản.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Sản phụ khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phụ sản.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lồng mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
28	Sơ cứu bỏng kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Phụ sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ôi vỡ non, ôi vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non
5	Thai ngoài tử cung
6	Thai lưu
7	U xơ tử cung
8	U buồng trứng
9	Tăng huyết áp – tiền sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Viêm vú, viêm áp xe vú
12	Bệnh tuyến bartholin
13	Chửa vết mổ
14	Ngôi ngược
15	Ngôi ngang
16	Thai suy
17	Sa dây rốn
18	Vỡ tử cung

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
19	Thai già tháng (thai quá ngày sinh)
20	Nhiễm khuẩn hậu sản
21	Bệnh tim và thai nghén
22	Tắc mạch ối
23	Khám thai
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. SẢN KHOA
1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược
2	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)
3	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)
4	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)
5	Phẫu thuật lấy thai lần đầu
6	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)
7	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp
8	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa
9	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa
10	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa
11	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung
12	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hóa do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
13	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
14	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa
15	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai
16	Khâu tử cung do nạo thủng
17	Gây chuyển dạ bằng thuốc
18	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
19	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
20	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
21	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)
22	Nội xoay thai
23	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
24	Forceps

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
25	Giác hút
26	Soi ối
27	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
28	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)
29	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
30	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
31	Cắt và khâu tầng sinh môn
32	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
33	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
34	Kiểm soát tử cung
35	Bóc rau nhân tạo
36	Kỹ thuật bấm ối
37	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
38	Khám thai
39	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang
40	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai
41	Chọc ối điều trị đa ối
42	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
43	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
44	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
45	Khâu vòng cổ tử cung
46	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung
47	Chích áp xe tầng sinh môn
	B. PHỤ KHOA
48	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung
49	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn
50	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần
51	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung
52	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi
53	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần
54	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung
55	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ
56	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng
57	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung
58	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
59	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung
60	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai
61	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung
62	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung
63	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung
64	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
65	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ
66	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng
67	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng
68	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang
69	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)
70	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục
71	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ
72	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo
73	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại
74	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng
75	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn
76	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng
77	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo
78	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục
79	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung
80	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung
81	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán
82	Nội soi buồng tử cung can thiệp
83	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung
84	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung
85	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa
86	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung
87	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa
88	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng
89	Khoét chóp cổ tử cung
90	Cắt cụt cổ tử cung
91	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
92	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo
93	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...
94	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn
95	Cắt u thành âm đạo
96	Lấy dị vật âm đạo
97	Khâu rách cùng đồ âm đạo
98	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn
99	Chích áp xe tuyến Bartholin
100	Bóc nang tuyến Bartholin
101	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo
102	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính
103	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
104	Nạo hút thai trứng
105	Dẫn lưu cùng đồ Douglas
106	Chọc dò túi cùng Douglas
107	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ
108	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng
109	Chích áp xe vú
110	Khám nam khoa
111	Khám phụ khoa
112	Soi cổ tử cung
113	Làm thuốc âm đạo
114	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú
115	Cắt u vú lành tính
116	Bóc nhân xơ vú
117	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần
	C. SƠ SINH
118	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh
119	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy
120	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)
121	Chọc dò tủy sống sơ sinh
122	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn
123	Truyền máu sơ sinh
124	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh
125	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
126	Rửa dạ dày sơ sinh
127	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh
128	Khám sơ sinh
129	Chăm sóc rốn sơ sinh
130	Tắm sơ sinh
131	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
132	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
133	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
134	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh
	D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH
135	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng
136	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ
137	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ
138	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)
139	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)
140	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)
141	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
	D. PHÁ THAI
142	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước
143	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần
144	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)
145	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ
146	Hút thai dưới siêu âm
147	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không
148	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
149	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ
150	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA NHI**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Nhi khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại khoa Nhi - TN.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Nhi khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Nhi – Truyền nhiễm.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lồng mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
27	Sơ cứu bông đường hô hấp
28	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nhi – Truyền nhiễm
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Hội chứng thiếu máu
2	Suy hô hấp cấp
3	Viêm tiểu phế quản cấp
4	Viêm phổi
5	Viêm thanh quản cấp
6	Tiêu chảy cấp
7	Bệnh viêm loét dạ dày tá tràng ở trẻ em
8	Xử trí co giật
9	Bệnh chân tay miệng
10	Cúm
11	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
12	Viêm ruột hoại tử trẻ sơ sinh
13	Rối loạn điện giải
14	Nhiễm khuẩn tiết niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Đặt ống nội khí quản
2	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)
3	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản
4	Theo dõi độ bão hòa ô xy (SPO2) liên tục tại giường
5	Khí dung thuốc cấp cứu
6	Thổi ngạt

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
8	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
9	Thở oxy gọng kính
10	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
11	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
12	Đặt ống thông dạ dày
13	Rửa dạ dày cấp cứu
14	Cho ăn qua ống thông dạ dày
15	Đặt sonde hậu môn
16	Thụt tháo phân
17	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
18	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
19	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
20	Truyền máu và các chế phẩm máu
21	Vận chuyển người bệnh an toàn
22	Định nhóm máu tại giường
23	Tiêm truyền thuốc

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA MẮT**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Nhân khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp , II, Thạc sĩ Nhân khoa; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lồng mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bóng đường hô hấp
28	Sơ cứu bóng kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đục Thủy Tinh Thể
2	Viêm kết mạc cấp
3	Glocom góc đóng nguyên phát
4	Glocom góc mở nguyên phát
5	Viêm túi lệ
6	Bong giác mạc do hóa chất
7	Viêm loét giác mạc do vi khuẩn
8	Viêm loét giác mạc do nấm
9	Viêm loét giác mạc do Herpes
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. MẮT
1	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL
2	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)
3	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)
4	Phẫu thuật mạc có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Cắt u da mi không ghép
6	Cắt u mi cả bề dày không ghép
7	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da
8	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi
9	Phẫu thuật tạo hình nếp mi
10	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mi (trên, dưới, 2 mi)
11	Lấy da mi sa (mi trên, mi dưới, 2 mi) có hoặc không lấy mỡ dưới da mi
12	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên
13	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
14	Lấy dị vật giác mạc sâu
15	Cắt bỏ chắp có bọc
16	Chích dẫn lưu túi lệ
17	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
18	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc
19	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc
20	Mức nội nhãn
21	Tiêm dưới kết mạc
22	Tiêm cạnh nhãn cầu
23	Bơm thông lệ đạo
24	Khâu kết mạc
25	Thay băng vô khuẩn
26	Tra thuốc nhỏ mắt
27	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi
28	Rửa củng đồ
29	Cấp cứu bong mắt ban đầu
30	Rạch áp xe túi lệ
31	Soi đáy mắt trực tiếp
	TẠO HÌNH
32	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi
33	Phẫu thuật phục hồi trĩ mi dưới
34	Phẫu thuật tạo nếp mi
	CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH
35	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)
	THĂM DÒ CHỨC NĂNG VÀ XÉT NGHIỆM
36	Đo sắc giác
37	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
38	Đo khúc xạ máy
39	Đo khúc xạ giác mạc Javal
40	Đo thị lực
41	Thử kính

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA TẠI MŨI HỌNG**

(Kèm theo Quyết định số 275 /QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản về Tai Mũi Họng (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Tai mũi họng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại Khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, II, Thạc sĩ Tai mũi họng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai Mũi Họng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lỗ mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bong đường hô hấp
28	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa RHM - Mắt - TMH
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Viêm phù nề thanh thiệt cấp tính
2	Viêm họng cấp tính
3	Viêm họng mạn tính
4	Viêm sụn vành tai
5	Viêm tai giữa mạn tính
6	Điếc đột ngột
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. TAI - TAI THẦN KINH
1	Vá nhĩ đơn thuần
2	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi
3	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ
4	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài
5	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài
6	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu/dái tai
7	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ
8	Cắt bỏ vành tai thừa
9	Đặt ống thông khí màng nhĩ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
10	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ
11	Chích rạch màng nhĩ
12	Khâu vết rách vành tai
13	Bơm hơi vòi nhĩ
14	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai
15	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)
16	Chọc hút dịch vành tai
17	Chích nhọt ống tai ngoài
18	Làm thuốc tai
19	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài
	B. MŨI-XOANG
20	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán
21	Phẫu thuật nạo sàng hàm
22	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng
23	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm
24	Cắt Polyp mũi
25	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang
26	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi
27	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi
28	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang
29	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi
30	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa
31	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới
32	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới
33	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn
34	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi
35	Phẫu thuật mở xoang hàm
36	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương
37	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc
38	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới
39	Đốt điện cuốn mũi dưới
40	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới
41	Bẻ cuốn mũi
42	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới
43	Nâng xương chính mũi sau chấn thương
44	Sinh thiết hốc mũi
45	Nội soi sinh thiết u hốc mũi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
46	Chọc rửa xoang hàm
47	Phương pháp Proetz
48	Nhét bắc mũi sau
49	Nhét bắc mũi trước
50	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
51	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)
52	Rút meche, rút merocel hốc mũi
53	Hút rửa mũi, xoang sau mổ
	C. HỌNG-THANH QUẢN
54	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê
55	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator
56	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản
57	Phẫu thuật nạo V.A nội soi
58	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)
59	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/ hồ lưỡi thanh thiệt
60	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh
61	Chích áp xe sàn miệng
62	Chích áp xe quanh Amidan
63	Cắt phanh lưỡi
64	Sinh thiết u hạ họng
65	Sinh thiết u họng miệng
66	Lấy dị vật họng miệng
67	Lấy dị vật hạ họng
68	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
69	Bơm thuốc thanh quản
70	Đặt nội khí quản
71	Thay canuyn
72	Sơ cứu bỏng đường hô hấp
73	Khí dung mũi họng
74	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê
75	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản
76	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê
77	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê
78	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
79	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê
80	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
81	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê
82	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê
83	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê
84	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
85	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê
86	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê
87	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê
88	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê
89	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê
90	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê
91	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê
	D. ĐẦU CỔ
92	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
93	Cắt chỉ sau phẫu thuật
94	Thay băng vết mổ
95	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Bệnh viện còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của Bệnh viện ĐKKV Cẩm Phả.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG**

*(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)*

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản về Phục hồi chức năng (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

1.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ, Bác sĩ Nội trú chuyên khoa Phục hồi chức năng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/ cấp điều chỉnh phạm vi hành nghề.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

2.1. Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa cơ bản.

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa cơ bản) tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

2.2. Bác sĩ có một trong các văn bằng sau: Chuyên khoa cấp I, Thạc sĩ Phục hồi chức năng; Đã quá 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng mà không nộp hồ sơ đề nghị cấp mới/cấp điều chỉnh Phạm vi hành nghề.

Học viên thực hành tập trung, toàn thời gian trong thời gian 12 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 09 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lỗ mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bong đường hô hấp
28	Sơ cứu bong kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	PHCN gãy 2 xương cẳng chân
2	PHCN gãy thân xương cánh tay
3	PHCN gãy thân 2 xương cẳng tay
4	PHCN gãy thân xương đùi
5	PHCN Chấn thương sọ não
6	PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước khớp gối
7	PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo sau khớp gối
8	PHCN Tổn thương tủy sống cổ
9	PHCN Tổn thương tủy sống lưng- thắt lưng
10	PHCN sau phẫu thuật thay khớp háng
11	PHCN Sau phẫu thuật thay khớp gối
12	PHCN gãy xương đòn
13	PHCN sau phẫu thuật chóp xoay khớp vai
14	PHCN trẻ tự kỉ
15	PHCN tổn thương dây thần kinh quay
16	PHCN tổn thương dây thần kinh giữa
17	PHCN tổn thương dây thần kinh trụ
18	PHCN xơ hóa cơ ức đòn chũm

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
19	PHCN Viêm quanh khớp vai
20	PHCN Vẹo cổ cấp
21	PHCN Loãng xương
22	PHCN Thoát vị đĩa đệm cổ
23	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
24	PHCN Thoái hóa cột sống cổ
25	PHCN Thoái hóa cột sống thắt lưng- cùng
B	Dịch vụ kỹ thuật
	VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
1	Điều trị bằng sóng ngắn
2	Điều trị bằng sóng cực ngắn
3	Điều trị bằng vi sóng
4	Điều trị bằng từ trường
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
7	Điều trị bằng siêu âm
8	Điều trị bằng sóng xung kích
9	Điều trị bằng dòng giao thoa
10	Điều trị bằng các dòng điện xung
11	Điều trị bằng tia hồng ngoại
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp chiếu ngoài
13	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
15	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
16	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
17	Điều trị bằng Parafin
18	Điều trị bằng Oxy cao áp
19	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
20	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
21	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
22	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
23	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ do xơ cơ ức đòn chũm
24	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hoá cơ
25	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
26	Kỹ thuật xoa bóp
27	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
28	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu
29	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
30	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
31	Kỹ thuật di động mô mềm
32	Kỹ thuật ức chế co cứng tay
33	Kỹ thuật ức chế co cứng chân
34	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
35	Kỹ thuật xoa bóp vùng
36	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
37	Kỹ thuật thư giãn
38	Kỹ thuật tập bắt buộc tay người bệnh bên liệt (CIMT)
39	Kỹ thuật gương trị liệu
40	Tập vận động cột sống
41	Tập do cứng khớp
42	Tập lăn trở khi nằm
43	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
44	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
45	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
46	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
47	Tập dáng đi
48	Tập đi với thanh song song
49	Tập đi với khung tập đi
50	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
51	Tập đi với gậy
52	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
53	Tập lên, xuống cầu thang
54	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gỗ ghềnh...)
55	Tập vận động thụ động
56	Tập vận động có trợ giúp
57	Tập vận động chủ động
58	Tập vận động tự do tứ chi
59	Tập vận động có kháng trở
60	Tập với giàn treo các chi
61	Tập với ròng rọc
62	Tập với dụng cụ quay khớp vai
63	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
64	Tập với xe đạp tập
65	Tập các kiểu thở

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
66	Tập ho có trợ giúp
67	Tập điều hợp vận động
68	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
	HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU
69	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
70	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
71	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
72	Tập các vận động thô của bàn tay
73	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
74	Tập phối hợp hai tay
75	Tập phối hợp tay miệng
76	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
77	Tập điều hòa cảm giác
	NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
78	Tập nuốt
79	Tập nói
80	Tập nhai
81	Tập phát âm
82	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)
83	Tập cho người thất ngôn
84	Tập luyện giọng
85	Tập sửa lỗi phát âm
	KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
86	Lượng giá chức năng người khuyết tật
87	Lượng giá chức năng tim mạch
88	Lượng giá chức năng hô hấp
89	Lượng giá chức năng tâm lý
90	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
91	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
92	Lượng giá chức năng dáng đi
93	Lượng giá chức năng thăng bằng
94	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
95	Thử cơ bằng tay
96	Đo tầm vận động khớp
97	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi
98	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ em

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
99	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em
100	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM
101	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS
102	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV
103	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS
104	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT
105	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth cải biên (MAS)
106	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE
107	Nghiệm pháp đi 6 phút
108	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili
109	Nghiệm pháp Tinetti
110	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi
111	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói
112	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống
113	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
114	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho người bệnh Parkinson
115	Chẩn đoán điện thần kinh cơ

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Bệnh viện còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

Bác sĩ đã có chứng chỉ hành nghề Khám bệnh, chữa bệnh sau đó có thêm chứng chỉ đào tạo chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh cơ bản (Thời gian đào tạo tối thiểu 09 tháng);

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian đủ 18 tháng (Bao gồm cả thời gian đào tạo chứng chỉ chuyên khoa) tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	A. ĐIỆN QUANG
	1. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN
1	Siêu âm tuyến giáp
2	Siêu âm các tuyến nước bọt
3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt
4	Siêu âm hạch vùng cổ
5	Siêu âm qua thóp
6	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ
7	Siêu âm màng phổi
8	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)
9	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi
10	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)
11	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng
12	Siêu âm tử cung phần phụ
13	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)
14	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)
15	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng
16	Siêu âm Doppler gan lách
17	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
18	Siêu âm Doppler động mạch thận
19	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ
20	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)
21	Siêu âm 3D/4D khối u
22	Siêu âm 3D/4D thai nhi
23	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới
24	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng
25	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng
26	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo
27	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa
28	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối
29	Siêu âm Doppler động mạch tử cung
30	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu
31	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa
32	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối
33	Siêu âm 3D/4D thai nhi
34	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi
35	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)
36	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)
37	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới
38	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch
39	Doppler động mạch cảnh, Doppler xuyên sọ
40	Siêu âm Doppler tim, van tim
41	Siêu âm 3D/4D tim
42	Siêu âm tuyến vú hai bên
43	Siêu âm Doppler tuyến vú
44	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên
45	Siêu âm dương vật
46	Siêu âm Doppler dương vật
47	Siêu âm trong mô
48	Siêu âm 3D/4D trực tràng
	2. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
49	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
50	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
51	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
52	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
53	Chụp Xquang Hirtz
54	Chụp Xquang hàm chéch một bên
55	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
56	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
57	Chụp Xquang Schuller
58	Chụp Xquang Stenvers
59	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
60	Chụp Xquang mỏm trâm
61	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
62	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên
63	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
64	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
65	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
66	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
67	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên
68	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
69	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
70	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze
71	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
72	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
73	Chụp Xquang khung chậu thẳng
74	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch
75	Chụp Xquang khớp vai thẳng
76	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch
77	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
78	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
79	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch
80	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)
81	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
82	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéch
83	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéch
84	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
85	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
86	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
87	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéch
88	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
89	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
90	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo
91	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
92	Chụp Xquang ngực thẳng
93	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên
94	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
95	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chéo
96	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
97	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
98	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
99	Chụp Xquang tuyến vú
100	Chụp Xquang tại giường
101	Chụp Xquang tại phòng mổ
102	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng
103	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng
104	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu
	3. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TỪ 1 – 32 DÂY
105	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
106	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
107	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
108	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
109	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa
110	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc
111	Chụp CLVT hốc mắt
112	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
113	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
114	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
115	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi
116	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy
117	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
118	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
119	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde
120	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
121	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
122	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
123	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
124	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
125	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
126	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang
	5. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CẬN THIỆP
127	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm
128	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm
129	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm
130	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm
131	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
132	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
133	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm
134	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm
135	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm
136	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
137	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
138	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
139	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
140	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
141	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm
142	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
143	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm
144	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
145	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm
146	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm
147	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
148	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
	1. TIM, MẠCH
149	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay
150	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
151	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)
152	<i>Nghiệm pháp dây thắt</i>
153	<i>Điện tim thường</i>
	2. HÔ HẤP
154	Đo hô hấp ký
155	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
156	Test dung tích sống thở chậm (SVC)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
157	3. THẦN KINH, TÂM THẦN
158	Ghi điện não đồ vi tính
159	Ghi điện não đồ thông thường
	4. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU
160	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
	5. TAI MŨI HỌNG
161	Phân tích âm giọng nói cơ bản
162	Đo thính lực đơn âm
163	Đo thính lực lời
164	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc
	6. MẮT
165	Siêu âm A/B
166	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
167	Test thử cảm giác giác mạc
168	Test phát hiện khô mắt
169	Nghiệm pháp phát hiện glacom
170	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
171	Đo thị trường chu biên
172	Đo sắc giác
173	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
174	Đo khúc xạ máy
175	Đo khúc xạ giác mạc Javal
176	Thử kính
177	Đo độ lác
178	Xác định sơ đồ song thị
179	Đo độ sâu tiền phòng
180	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)
181	Đo thị lực
	7. CƠ XƯƠNG KHỚP
182	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm
183	Nghiệm pháp Atropin
	8. NỘI TIẾT
184	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin
185	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén
186	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
187	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục IX- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Bệnh viện phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Bệnh viện được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của đơn vị.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH Y SĨ ĐA KHOA**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng cao đẳng Y sĩ đa khoa trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương
- VB cử nhân y khoa nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận trình độ đại học
- VB Trung cấp Y sĩ trong nước và nước ngoài cấp trước 01/01/2027

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.

- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại các khoa lâm sàng trong đó:

- + 01 tháng tại khoa Nội tổng hợp
- + 01 tháng tại khoa Nhi - TN
- + 01 tháng tại khoa Ngoại
- + 01 tháng tại khoa Phụ Sản
- + 01 tuần tại khoa Răng Hàm Mặt - Mắt - Tai mũi họng
- + 01 tuần tại khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp
9	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Vận hành máy Monitor
2	Điện tim thường
3	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
4	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
5	Xử trí hạ huyết áp tư thế
6	Cấp cứu cao huyết áp
7	Cấp cứu ngừng tim
8	Cấp cứu tụt huyết áp
9	Ép tim ngoài lồng ngực
10	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
11	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
12	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
13	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
14	Chăm sóc lỗ mở khí quản
15	Chăm sóc ống nội khí quản
16	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
17	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
18	Khí dung thuốc giãn phế quản
19	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
20	Sơ cứu bong đường hô hấp
21	Thay canuyn mở khí quản
22	Cấp cứu ngừng thở
23	Thở oxy qua gọng kính
24	Thở oxy qua mặt nạ
25	Thở oxy qua mặt nạ có túi
26	Thở ngạt
27	Cho ăn qua ống thông dạ dày
28	Đặt ống thông dạ dày
29	Đặt ống thông hậu môn
30	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
31	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
32	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Nội tổng hợp
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Bệnh Basedow
2	Bệnh Goute
3	Bệnh Viêm khớp dạng thấp
4	Chẩn đoán và điều trị thoái hóa khớp gối
5	Cấp cứu hạ đường huyết
6	Hen phế quản cấp
7	Điều trị COPD
8	Nhiễm trùng đường mật
9	Phù phổi cấp
10	Viêm bàng quang cấp
11	Xuất huyết não
12	Bệnh thận đái tháo đường
13	Trào ngược thực quản
14	Viêm tụy cấp
15	Xuất huyết tiêu hóa do giãn vỡ tĩnh mạch thực quản
16	Xuất huyết tiêu hóa cao do loét dạ dày
17	Xơ gan
18	Đau thắt ngực không ổn định
19	Đau thắt ngực ổn định
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
2	Khí dung thuốc giãn phế quản
3	Điện tim thường
4	Đặt sonde bàng quang
5	Rửa bàng quang
6	Đặt ống thông dạ dày
7	Đặt ống thông hậu môn
8	Rửa dạ dày cấp cứu
9	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
10	Thụt tháo phân
11	Điều trị trạng thái động kinh
III	Khoa Ngoại
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Chấn thương cột sống lưng, thắt lưng
2	Chấn thương cột sống và tủy sống cổ
3	Gãy các xương vùng cổ chân
4	Gãy thân xương cánh tay
5	Gãy thân xương đùi
6	Gãy xương đòn
7	Gãy xương và trật khớp vùng gối (Mâm chày, lồi cầu đùi)
8	Chấn thương và vết thương tim
9	Gãy cổ xương đùi
10	Gãy đầu dưới xương quay
11	Thoái hóa khớp gối
12	Thoát vị đĩa đệm thắt lưng
13	Chấn thương gối, trật khớp gối cũ, tổn thương nhiều dây chằng gối
14	Trật khớp chi trên trong chấn thương
15	Điều trị bỏng người lớn
16	Thoát vị đĩa đệm cổ
17	Trật khớp vai tái hồi
18	Trật khớp háng
19	Vết thương phần mềm
20	Trật khớp gối
21	Viêm ruột thừa
22	Trĩ
23	Lồng ruột
24	Rò hậu môn
25	Tắc ruột
26	Sỏi thận
27	Sỏi niệu quản
28	Sỏi bàng quang
29	U xơ tiền liệt tuyến
30	Hẹp bao quy đầu
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Chọc dịch não tủy thắt lưng (thủ thuật)
2	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần
3	Nong niệu quản
4	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần
5	Mở rộng lỗ sáo
6	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
7	Lấy dị vật trực tràng
8	Cổ định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên
9	Cổ định ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới
10	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động
11	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp
12	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay
13	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay
14	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay
15	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu
16	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay
17	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay
18	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay
19	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay
20	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay
21	Nắn, bó bột trật khớp gối
22	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân
23	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân
24	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân
25	Nắn, bó bột gãy xương chày
26	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân
27	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân
IV	Khoa Nhi - TN
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Hội chứng thiếu máu
2	Suy hô hấp cấp
3	Viêm tiểu phế quản cấp
4	Viêm phổi
5	Viêm thanh quản cấp
6	Tiêu chảy cấp
7	Xử trí co giật
8	Bệnh chân tay miệng
9	Cúm
10	Vàng da sơ sinh (Tăng bilir trong máu)
11	Viêm ruột hoại tử trẻ sơ sinh
12	Rối loạn điện giải
13	Nhiễm khuẩn tiết niệu
B	Dịch vụ kỹ thuật

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Khí dung thuốc cấp cứu
2	Thở ngạt
3	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ
4	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)
5	Thở oxy gọng kính
6	Thở oxy lưu lượng cao qua mặt nạ không túi
7	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
8	Đặt ống thông dạ dày
9	Rửa dạ dày cấp cứu
10	Cho ăn qua ống thông dạ dày
11	Đặt sonde hậu môn
12	Thụt tháo phân
13	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
14	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
15	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường
16	Truyền máu và các chế phẩm máu
17	Vận chuyển người bệnh an toàn
18	Định nhóm máu tại giường
19	Tiêm truyền thuốc
V	Khoa Phụ Sản
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Dọa sảy thai, sảy thai
2	Ôi vỡ non, ôi vỡ sớm
3	Rau tiền đạo
4	Rau bong non
5	Thai ngoài tử cung
6	Thai lưu
7	U xơ tử cung
8	U buồng trứng
9	Tăng huyết áp – tiền sản giật
10	Viêm phần phụ
11	Viêm vú, viêm áp xe vú
12	Bệnh tuyến bartholin
13	Chửa vết mổ
14	Ngôi ngược
15	Ngôi ngang
16	Thai suy

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
17	Vỡ tử cung
18	Thai già tháng (thai quá ngày sinh)
19	Nhiễm khuẩn hậu sản
20	Bệnh tim và thai nghén
21	Khám thai
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Gây chuyển dạ bằng thuốc
2	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
3	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch
4	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa
5	Nội xoay thai
6	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên
7	Forceps
8	Giác hút
9	Soi ối
10	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo
11	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn
12	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
13	Cắt và khâu tầng sinh môn
14	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ
15	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
16	Kỹ thuật bấm ối
17	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
18	Khám thai
19	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ
20	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
21	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại
22	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết
23	Nạo hút thai trứng
24	Chích áp xe vú
25	Khám nam khoa
26	Khám phụ khoa
27	Soi cổ tử cung
28	Làm thuốc âm đạo
29	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn
30	Truyền máu sơ sinh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
31	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
32	Khám sơ sinh
33	Chăm sóc rốn sơ sinh
34	Tắm sơ sinh
35	Đặt sonde hậu môn sơ sinh
36	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh
37	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh
38	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
39	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần
VI	Mắt
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đục Thủy Tinh Thể
2	Viêm kết mạc cấp
3	Viêm túi lệ
4	Bỏng giác mạc do hóa chất
5	Viêm loét giác mạc do vi khuẩn
6	Viêm loét giác mạc do nấm
7	Viêm loét giác mạc do Herpes
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)
2	Lấy dị vật giác mạc sâu
3	Cắt bỏ chấp có bọc
4	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt
5	Bơm thông lệ đạo
6	Khâu kết mạc
7	Thay băng vô khuẩn
8	Tra thuốc nhỏ mắt
9	Rửa cùng đồ
10	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
11	Rạch áp xe túi lệ
12	Soi đáy mắt trực tiếp
13	Đo thị lực
14	Thử kính
VII	Khoa Tai mũi họng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Viêm phù nề thanh thiệt cấp tính
2	Viêm họng cấp tính
3	Viêm họng mạn tính
4	Viêm sụn vành tai
5	Viêm tai giữa mạn tính
6	Điếc đột ngột
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Vá nhĩ đơn thuần
2	Chích rạch màng nhĩ
3	Khâu vết rách vành tai
4	Bơm hơi vòi nhĩ
5	Chọc hút dịch vành tai
6	Chích nhọt ống tai ngoài
7	Làm thuốc tai
8	Chọc rửa xoang hàm
5	Phương pháp Proetz
10	Nhét bắc mũi sau
11	Nhét bắc mũi trước
12	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê
13	Rút meche, rút merocel hốc mũi
14	Hút rửa mũi, xoang sau mổ
15	Chích áp xe sàn miệng
16	Lấy dị vật họng miệng
17	Lấy dị vật hạ họng
18	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng
19	Bơm thuốc thanh quản
20	Thay canuyn
21	Sơ cứu bong đường hô hấp
22	Khí dung mũi họng
23	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ
24	Cắt chỉ sau phẫu thuật
25	Thay băng vết mổ
26	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ
VIII	Khoa Răng hàm mặt
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Răng khôn mọc lệch
2	Răng sâu sữa

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Viêm tủy răng sữa
4	Viêm lợi liên quan đến mảng bám răng
5	Viêm quanh răng tiến triển chậm
6	Viêm lợi loét hoại tử cấp tính
7	Bệnh sâu răng
8	Viêm tủy răng
9	Viêm quanh cuống răng
10	Nang thân răng
11	Áp xe má
12	Viêm tuyến nước bọt mang tai do virus (Quai bị)
13	Viêm tuyến nước bọt mang tai mạn tính
14	Viêm tuyến nước bọt dưới hàm do sỏi
15	Chấn thương phần mềm vùng hàm mặt
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Lấy cao răng
2	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay
3	Nhổ chân răng vĩnh viễn
4	Nhổ răng thừa
5	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới
6	Nhổ răng vĩnh viễn
7	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục
8	Điều trị tủy răng sữa
9	Nhổ răng sữa
10	Nhổ chân răng sữa
IX	Khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	PHCN gãy 2 xương cẳng chân
2	PHCN gãy thân xương cánh tay
3	PHCN gãy thân 2 xương cẳng tay
4	PHCN Chấn thương sọ não
5	PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo trước khớp gối
6	PHCN Sau phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo sau khớp gối
7	PHCN gãy xương đòn
8	PHCN xơ hóa cơ ức đòn chũm
9	PHCN Viêm quanh khớp vai
10	PHCN Vẹo cổ cấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
11	PHCN Thoát vị đĩa đệm cổ
12	PHCN Thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng
13	PHCN Thoái hóa cột sống cổ
14	PHCN Thoái hóa cột sống thắt lưng- cùng
15	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
16	Đau thần kinh tọa (Tọa cột phong)
17	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
18	Liệt VII ngoại biên (Khẩu nhãn oa tà)
19	Di chứng tai biến mạch máu não (Bán thân bất toại)
20	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
21	Mất ngủ (Thất miên)
22	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tỷ)
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Điều trị bằng tia hồng ngoại
2	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
3	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
4	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
5	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
6	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
7	Kỹ thuật xoa bóp
8	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
9	Kỹ thuật xoa bóp vùng
10	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
11	Tập do cứng khớp
12	Tập lăn trở khi nằm
13	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
14	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
15	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
16	Tập đi với thanh song song
17	Tập đi với khung tập đi
18	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
19	Tập đi với gậy
20	Tập lên, xuống cầu thang
21	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gò ghề...)
22	Tập vận động thụ động

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
23	Tập vận động chủ động
24	Tập với xe đạp tập
25	Tập các kiểu thở
26	Tập ho có trợ giúp
27	Tập phối hợp hai tay
28	Tập phối hợp tay miệng
29	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
30	Tập nuốt
31	Tập nói
32	Tập nhai
33	Tập phát âm
34	Tập cho người thất ngôn
35	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
36	Thử cơ bằng tay

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục X- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH Y SĨ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng cao đẳng Y sĩ YHCT hoặc Cao đẳng YHCT trong nước
- VB cao đẳng Y sĩ YHCT/CD YHCT nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương
- VB Trung cấp Y sĩ YHCT, Trung cấp YHCT trong nước và nước ngoài cấp trước 01/01/2027

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 09 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 03 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 06 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân Suy hô hấp cấp
2	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân choáng
3	Hồi sức ngừng hô hấp tuần hoàn
4	Xử trí và điều trị ngừng tuần hoàn - hô hấp
5	Chẩn đoán và điều trị Shock phản vệ
6	Chẩn đoán và điều trị ngộ độc cấp
7	Chẩn đoán và điều trị đột quỵ não
8	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận mạn tính
9	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân tràn dịch màng phổi
10	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân phù phổi cấp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
11	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân hội chứng thận hư
12	Chẩn đoán và điều trị bệnh nhân suy thận cấp
13	Chẩn đoán và điều trị nhồi máu cơ tim cấp
B	Các dịch vụ kỹ thuật chuyên khoa hồi sức cấp cứu thông thường
1	Xử trí tăng áp lực nội sọ
2	Vận hành máy Monitor
3	Điện tim thường
4	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp
5	Nghiệm pháp dây thắt
6	Nuôi dưỡng người bệnh bằng đường truyền tĩnh mạch ngoại biên
7	Xử trí hạ huyết áp tư thế
8	Cấp cứu cao huyết áp
9	Cấp cứu ngừng tim
10	Cấp cứu tụt huyết áp
11	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm
12	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục
13	Ép tim ngoài lồng ngực
14	Ghi điện tim cấp cứu tại giường
15	Kỹ thuật theo dõi huyết áp động mạch không xâm lấn bằng máy
16	Theo dõi áp lực tĩnh mạch trung tâm
17	Theo dõi điện tim liên tục tại giường
18	Chăm sóc lỗ mở khí quản
19	Chăm sóc ống nội khí quản
20	Chọc tháo dịch màng phổi
21	Chọc dịch ổ bụng
22	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm
23	Đặt ống nội khí quản
24	Khí dung đường thở ở bệnh nhân nặng
25	Khí dung thuốc giãn phế quản
26	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
27	Sơ cứu bông đường hô hấp
28	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp
29	Thay canuyn mở khí quản
30	Cấp cứu ngừng thở
31	Thở oxy qua gọng kính
32	Thở oxy qua mặt nạ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
33	Thở oxy qua mặt nạ có túi
34	Thổi ngạt
35	Cho ăn qua ống mở thông dạ dày hoặc hồng
36	Cho ăn qua ống thông dạ dày
37	Đặt ống thông dạ dày
38	Đặt ống thông hậu môn
39	Kỹ thuật phòng và điều trị trào ngược dịch dạ dày
40	Nuôi dưỡng người bệnh qua ống thông dạ dày bằng bơm tay
41	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày
II	Khoa Y cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Chẩn đoán và điều trị một số bệnh thông thường
1	Đau cột sống thắt lưng (Yêu thống)
2	Đau thần kinh tọa (Tọa cốt phong)
3	Thoái hóa khớp gối (Hạc tất phong)
4	Liệt VII ngoại biên (Khẩu nhân oa tà)
5	Di chứng tai biến mạch máu não (Bán thân bất toại)
6	Tăng huyết áp vô căn (Huyền vưng)
7	Đau dây thần kinh liên sườn (Hiếp thống)
8	Viêm khớp dạng thấp (Chứng tý)
9	Gout (Thống phong)
10	Bí đái cơ năng (Long bế)
11	Rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu khác (Chứng đàm)
12	Bệnh trĩ (Hạ trĩ)
13	Bại não trẻ em (Ngũ trí)
14	Mất ngủ (Thất miên)
15	Viêm dạ dày và tá tràng (Vị quản thống)
16	Viêm gan virus mạn (Hiếp thống)
17	Sụp mí mắt (Châm nhân, nhân đơn)
18	Đau dây thần kinh số V (Diện thống)
19	Viêm mũi dị ứng mạn (Tỵ khứu, tỵ cứu)
20	Hen phế quản mạn (Háo suyễn)
21	Viêm xoang mạn (Tỵ uyên, tỵ lậu)
22	Bệnh phổi tắc nghẽn (COPD) (Khái suyễn)
23	Thiếu năng tuần hoàn não (Đầu thống, huyền vưng)
24	Hội chứng cổ vai cánh tay (Chứng tý)
25	Mày đay (Ẩn chẩn)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
B	Dịch vụ kỹ thuật
1	Hào châm
2	Nhĩ châm
3	Điện châm
4	Ôn châm
5	Cứu
6	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy
7	Sắc thuốc thang
8	Ngâm thuốc YHCT toàn thân
9	Ngâm thuốc YHCT bộ phận
10	Chườm ngải
11	Luyện tập dưỡng sinh
12	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tiền đình
13	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy
14	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây VII ngoại biên
15	Điện nhĩ châm điều trị tắc tia sữa
16	Điện nhĩ châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
17	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu đầu, đau nửa đầu
18	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ
19	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng stress
20	Điện nhĩ châm điều trị nôn
21	Điện nhĩ châm điều trị nấc
22	Điện nhĩ châm điều trị béo phì
22	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
23	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng dạ dày-tá tràng
24	Điện nhĩ châm phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
25	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng tự kỷ ở trẻ em
26	Điện nhĩ châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
27	Điện nhĩ châm điều trị phục hồi chức năng ở trẻ bại não
28	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn tiểu tiện
29	Điện nhĩ châm điều trị bí đái cơ năng
30	Điện nhĩ châm điều trị thất vận ngôn
31	Điện nhĩ châm điều trị đau dây thần kinh V
32	Điện nhĩ châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
33	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
34	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
35	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới
36	Điện nhĩ châm điều trị đau hố mắt
37	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm
38	Điện nhĩ châm điều trị viêm khớp dạng thấp
39	Điện nhĩ châm điều trị viêm quanh khớp vai
40	Điện nhĩ châm điều trị đau do thoái hóa khớp
41	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng
42	Điện nhĩ châm điều trị ù tai
43	Điện nhĩ châm điều trị liệt rãnh, đám rối dây thần kinh
44	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau do Zona
45	Điện nhĩ châm điều trị viêm đa rễ, đa dây thần kinh
46	Điện nhĩ châm điều trị chứng tic cơ mặt
47	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
48	Điện châm điều trị huyết áp thấp
49	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
50	Điện châm điều trị đau quanh khớp vai
51	Điện châm điều trị đau lưng
52	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa
53	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
54	Điện châm điều trị hỗ trợ bệnh tự kỷ trẻ em
55	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
56	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
57	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận
58	Điện châm điều trị viêm bàng quang
59	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
60	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
61	Điện châm điều trị sa tử cung
62	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
63	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
64	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
65	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
66	Điện châm điều trị khàn tiếng
67	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
68	Điện châm điều trị liệt chi trên
69	Điện châm điều trị chắp lẹo
70	Điện châm điều trị đau hố mắt
71	Điện châm điều trị viêm kết mạc

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
72	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
73	Điện châm điều trị lác cơ năng
74	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
75	Điện châm điều trị vẹo cổ cấp
76	Điện châm điều trị đau dây thần kinh số V
77	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
78	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
79	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
80	Điện châm điều trị ù tai
81	Điện châm điều trị giảm khứu giác
82	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
83	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
84	Điện châm điều trị giảm đau do zona
85	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
86	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt
87	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
88	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
89	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
90	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông
91	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
92	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
93	Xoa bóp bấm huyệt phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
94	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
95	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
96	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất
97	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em
98	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
99	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
100	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
101	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm can suy nhược
102	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp
103	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
104	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
105	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
106	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính
107	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
108	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
109	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí
110	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp
111	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng
112	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
113	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
114	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
115	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
116	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
117	Xoa bóp bấm huyệt hỗ trợ điều trị tăng huyết áp
118	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp
119	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
120	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
121	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm khớp dạng thấp
122	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
123	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
124	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
125	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt
126	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
127	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tắc tia sữa
128	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh
129	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh
130	Xoa bóp bấm huyệt điều trị táo bón
131	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hoá
132	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác nông
133	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng
134	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
135	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì
136	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
137	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
138	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
139	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
140	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm
141	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn
142	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
143	Cứu điều trị nấc thể hàn
144	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
145	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn
146	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
147	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
148	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
149	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
150	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
151	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn
152	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn
153	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
154	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn
155	Cứu điều trị bí đái thể hàn
156	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
157	Cứu điều trị đau lưng thể hàn
158	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
159	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
160	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn
161	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn
162	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt
163	Giác hơi điều trị các chứng đau
164	Giác hơi điều trị cảm cúm

* Một số nội dung học thực hành chuyên môn khác: Các Học viên học thực hành tại Trung tâm còn thực hành thêm các kỹ thuật khác theo phạm vi hành nghề được quy định tại Phụ lục XI- Thông tư 32/2023/TT-BYT ban hành ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- VB trung cấp điều dưỡng trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương TC ĐD
- VB cao đẳng điều dưỡng trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CĐ ĐD
- VB cử nhân điều dưỡng trong nước
- VB cử nhân điều dưỡng nước ngoài được Bộ GDDT công nhận trình độ Cử nhân điều dưỡng.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại 1 trong 4 khoa: Nội tổng hợp, Ngoại, Nhi - TN, Răng hàm mặt - Mắt - Tai mũi họng

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
2	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm
3	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
4	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
5	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
6	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
7	Quản lý chăm sóc người bệnh
8	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
9	Sơ cứu cấp cứu
10	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, bơm tiêm điện, máy truyền dịch, máy đo đường máu mao mạch
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe
II	Các khoa lâm sàng khác
1	Quy trình kỹ thuật tiêm dưới da
2	Quy trình kỹ thuật tiêm trong da
3	Quy trình kỹ thuật tiêm bắp
4	Quy trình kỹ thuật tiêm tĩnh mạch
5	Quy trình kỹ thuật Truyền dịch
6	Quy trình kỹ thuật lấy máu làm nghiệm
7	Quy trình kỹ thuật truyền máu
8	Quy trình kỹ thuật cho người bệnh thở oxy
9	Quy trình kỹ thuật đặt ống thông dạ dày
10	Quy trình kỹ thuật đặt ống thông bàng quang
11	Quy trình kỹ thuật thông tiểu Nam – Nữ
12	Quy trình kỹ thuật thay băng vết mổ
13	Quy trình kỹ thuật cắt chỉ
14	Quy trình kỹ thuật hút đờm qua ống NKQ, mở KQ, bệnh nhân thở máy
15	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống nội khí quản
16	Quy trình kỹ thuật chăm sóc Canuyn mở khí quản
17	Quy trình kỹ thuật tiêm Insulin *
18	Quy trình kỹ thuật ghi điện tim
19	Quy trình kỹ thuật đo đường máu mao mạch
20	Quy trình kỹ thuật thay băng bóng
21	Quy trình kỹ thuật rửa bàng quang
22	Quy trình kỹ thuật cho bệnh nhân ăn qua sonde
23	Quy trình kỹ thuật rửa dạ dày cấp cứu
24	Quy trình kỹ thuật cấp cứu cao huyết áp
25	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tim
26	Quy trình kỹ thuật cắt lọc tổ chức hoại tử, cắt lọc vết thương
27	Quy trình kỹ thuật cấp cứu tụt huyết áp +
28	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản +
29	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp nâng cao*
30	Quy trình kỹ thuật cấp cứu ngừng thở +
31	Quy trình kỹ thuật cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	sườn*
32	Quy trình kỹ thuật chăm sóc bệnh nhân điều trị trong phòng vô trùng*
33	Quy trình kỹ thuật chăm sóc catheter cố định +
34	Quy trình kỹ thuật chăm sóc lỗ mở khí quản +
35	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống nội khí quản +
36	Quy trình kỹ thuật chăm sóc ống thông bàng quang
37	Quy trình kỹ thuật cho ăn qua ống thông dạ dày +
38	Quy trình kỹ thuật chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật +
39	Quy trình kỹ thuật định nhóm máu hệ AB) bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu. +
40	Quy trình kỹ thuật định nhóm máu hệ AB) bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương tươi. +
41	Quy trình kỹ thuật đo lượng nước tiểu 24 giờ
42	Quy trình kỹ thuật đo thân nhiệt bằng nhiệt kế
43	Quy trình kỹ thuật ghi điện tim cấp cứu tại giường
44	Quy trình kỹ thuật hút dịch dạ dày
45	Hút đờm hâu họng
46	Kĩ thuật hỗ trợ người bệnh di chuyển bằng xe lăn
47	Kỹ thuật chăm sóc dẫn lưu
48	Kỹ thuật cho người bệnh uống thuốc
49	Kỹ thuật đo áp lực tĩnh mạch trung tâm bằng cột nước *
50	Kỹ thuật đo chiều cao, cân nặng
51	Kỹ thuật garo cầm máu +
52	Kỹ thuật ho khắc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương
53	Kỹ thuật lấy đờm tác động bằng vỗ rung
54	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
55	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch bẹn*
56	Kỹ thuật lấy nước tiểu 24h
57	Kỹ thuật lấy nước tiểu ở người bệnh có đặt dẫn lưu nước tiểu
58	Kỹ thuật lấy nước tiểu thường quy
59	Kỹ thuật lấy phân xét nghiệm
60	Kỹ thuật rút ống dẫn lưu
61	Kỹ thuật tắm cho người bệnh
62	Kỹ thuật tiêm tĩnh mạch qua cổng tiêm thuốc
63	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc: mắt hoặc mũi hoặc miệng hoặc tai
64	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh
65	Kỹ thuật vệ sinh răng miệng cho người bệnh có ống NKQ hoặc người

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
	bệnh thở máy +
66	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
67	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực
68	Kỹ thuật xoa bóp vùng
69	Kỹ thuật xoay chuyển bệnh nhân dự phòng loét tỳ đè
70	Khí dung mũi họng
71	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
72	Khí dung thuốc giãn phế quản
73	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)
74	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch
75	Sơ cấp cứu bỏng acid*
76	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện*
77	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng*
78	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt +
79	Theo dõi SpO2
80	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường
81	Theo dõi SPO2 liên tục tại giường ≤ 8 giờ
82	Theo dõi và chăm sóc người bệnh sốc phản vệ 72 giờ đầu
83	Thủ thuật Heimlich
84	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em+
85	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng
86	Thụt tháo phân
87	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức
88	Đo chức năng hô hấp
89	Ghi điện não đồ thông thường*
90	Bó bột cánh cẳng bàn tay *
91	Bó bột cẳng bàn chân *
91	Bó bột cẳng bàn tay*
92	Bơm rửa hậu môn sau mổ rò hậu môn *
93	Cắt lọc - khâu vết thương da đầu mang tóc
94	Cắt lọc - khâu vết thương vùng trán
95	Cố định tạm thời cột sống cổ bằng nẹp +
96	Cố định tạm thời cột sống lưng bằng nẹp +
97	Cố định tạm thời xương cánh tay +
98	Cố định tạm thời xương cẳng chân +
99	Cố định tạm thời xương cẳng tay +
100	Cố định tạm thời xương đòn +

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
101	Cố định tạm thời xương đùi +
102	Tháo bột các loại*
103	Thay băng chăm sóc vùng lầy da
104	Thay băng điều trị vết bỏng < 5% diện tích cơ thể ở người lớn*
105	Thay băng điều trị vết bỏng < 5% diện tích cơ thể ở trẻ em*
106	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn
107	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em
108	Băng ép mắt
109	Bơm rửa lệ đạo*
110	Kỹ thuật bơm thông lệ đạo
111	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
112	Chích chắp, lẹo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc*
113	Đo sắc giác
114	Đo thị lực
115	Kỹ thuật thay băng mổ đục nhân mắt
116	Kỹ thuật lấy dị vật giác mạc sâu
117	Kỹ thuật lấy dị vật kết mạc
118	Kỹ thuật nhỏ thuốc, rửa mắt
119	Sơ cứu vết thương phần mềm vùng hàm mặt+
120	Bơm thuốc thanh quản*
121	Làm thuốc tai*
122	Phương pháp Proetz*
123	Rút meche. rút merocel hốc mũi*
124	Kỹ thuật chiếu đèn vàng da
125	Kỹ thuật sử dụng lồng áp
126	Kỹ thuật lau mát hạ sốt ở trẻ
127	Kỹ thuật tiêm bắp ở trẻ nhỏ
128	Kỹ thuật chăm sóc rốn
129	Kỹ thuật phụ giúp Bác sỹ đặt thông tĩnh mạch rốn
130	Kỹ thuật lấy máu tĩnh mạch ở trẻ nhỏ

Kỹ thuật không đánh dấu: Kỹ thuật điều dưỡng các trình độ đào tạo đều có thể thực hiện.

Kỹ thuật đánh dấu "+": Kỹ thuật sơ cứu, cấp cứu, điều dưỡng các trình độ đào tạo đều được thực hiện.

Kỹ thuật đánh dấu "*": Kỹ thuật điều dưỡng có văn bằng chuyên khoa đo hoặc điều dưỡng trình độ đại học trở lên được đào tạo bổ sung kỹ thuật chuyên môn đó được thực hiện.

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH HỘ SINH**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- VB trung cấp hộ sinh trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương TCHS
- VB cao đẳng hộ sinh trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CDHS
- VB cử nhân hộ sinh trong nước
- VB nước ngoài được Bộ LĐ TB XH công nhận tương đương CNHS

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo.
- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Phụ Sản.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
1	Đón tiếp người bệnh, chuyển khoa, chuyển viện, xuất viện.
2	Cập nhật các quy trình, kỹ thuật tiêm truyền, lấy máu và bệnh phẩm làm xét nghiệm
3	Phản vệ và cấp cứu ngừng tuần hoàn
4	Phụ giúp bác sỹ làm thủ thuật
5	An toàn người bệnh và kiểm soát nhiễm khuẩn
6	Kiến thức về điều dưỡng và chăm sóc người bệnh
7	Quản lý chăm sóc người bệnh
8	Quản lý thực hiện thuốc cho người bệnh
9	Sơ cứu cấp cứu
10	Sử dụng thành thạo các loại máy: Monitor, bơm tiêm điện, máy

	truyền dịch, máy đo đường máu mao mạch
11	Truyền thông, giáo dục sức khỏe
II	Khoa Phụ Sản
	TRƯỚC SINH
1	Khám thai
2	Kỹ thuật theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa *
3	Kỹ thuật cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung đường âm đạo *
4	Chăm sóc, theo dõi thai phụ mắc bệnh truyền nhiễm
5	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
6	Chăm sóc, chuẩn bị bệnh trước phẫu thuật sản, phụ khoa
	TRONG SINH
7	Khám, xác định và theo dõi các giai đoạn của chuyển dạ
8	Chăm sóc, theo dõi sản phụ chuyển dạ đẻ
9	Theo dõi và truyền oxytocin trong chuyển dạ
10	Xử trí ban đầu các trường hợp bất thường trong chuyển dạ
11	Xử trí sa dây rốn
12	Kỹ thuật tách màng ối
13	Kỹ thuật bấm ối
14	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm
15	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
16	Đỡ đẻ thường trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng; HIV-AIDS ...)
17	Thực hiện nghiệm pháp bong rốn, đỡ rốn, kiểm tra bánh rốn
18	Kiểm soát tử cung *
19	Bóc rốn nhân tạo *
20	Cắt và khâu tầng sinh môn
21	Đón bé sau mổ
	SAU SINH
22	Kỹ thuật da kề da (ngay sau đẻ, mổ đẻ)
23	Chèn gạc âm đạo cầm máu
24	Xử trí ban đầu băng huyết sau sinh đường âm đạo
25	Khâu phục hồi rách âm đạo, tầng sinh môn độ 1, 2,
26	Khâu phục hồi rách âm hộ
27	Xử trí vết rách cổ tử cung đơn thuần *
28	Cấp, kéo cổ tử cung cầm máu sau đẻ; sau sảy; sau nạo
29	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật truyền nhiễm
30	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ ngày đầu sau đẻ

31	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ tuần đầu sau đẻ
32	Chăm sóc, theo dõi bà mẹ 6 tuần đầu sau đẻ
33	Xoa bóp vú thông tuyến sữa sau sinh
34	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút
35	Điều trị tắc tia sữa bằng hồng ngoại
36	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn
37	Chăm sóc, theo dõi vết khâu tầng sinh môn sau đẻ
38	Làm thuốc âm hộ; âm đạo sau đẻ
39	Làm thuốc tầng sinh môn sau đẻ
40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn
41	Chích áp xe tầng sinh môn
42	Ép tử cung bằng tay (2 tay ngoài, 1 tay ngoài 1 tay trong âm đạo) để cầm máu sau sinh
43	Nong cổ tử cung do bế sản dịch
44	Hút buồng tử cung bằng bơm hút chân không để điều trị chảy máu muộn thời kỳ sau đẻ *
PHỤ KHOA- PHÁ THAI - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH	
45	Khám phụ khoa
46	Xử trí ban đầu cấp cứu phụ khoa
47	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước thủ thuật sản phụ khoa
48	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân sau thủ thuật sản phụ khoa
49	Chăm sóc, theo dõi bệnh nhân trước phẫu thuật sản, phụ khoa
50	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau phẫu thuật sản, phụ khoa
51	Chăm sóc và theo dõi người bệnh trước phẫu thuật bệnh lý
52	Chăm sóc và theo dõi người bệnh sau phẫu thuật bệnh lý
53	Chăm sóc, theo dõi người bệnh rò bàng quang - âm đạo
54	Chăm sóc, theo dõi thai phụ bệnh lý
55	Chăm sóc, theo dõi người bệnh chữa ngoài tử cung
56	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau nạo thai trứng
57	Chăm sóc, theo dõi người bệnh sau mổ cắt vú
58	Khám vú cho phụ nữ
59	Kỹ thuật chăm sóc hậu môn, sinh dục
60	Kỹ thuật thực hiện thuốc qua niêm mạc âm đạo
61	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm tế bào học âm đạo, cổ tử cung
62	Lấy bệnh phẩm âm đạo, cổ tử cung để xét nghiệm HPV
63	Lấy bệnh phẩm để xét nghiệm vi khuẩn, vi nấm, Trichomonas nhuộm soi và phân tích tự động hỗ trợ chẩn đoán viêm âm đạo
64	Đặt thuốc trong điều trị viêm âm hộ, âm đạo, cổ tử cung
65	Đặt dụng cụ tử cung

66	Tháo dụng cụ tử cung
67	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không
	SƠ SINH
68	Chiếu đèn điều trị vàng da sơ sinh
69	Khám phát hiện di tật ngoài trẻ sơ sinh
70	Chăm sóc rốn sơ sinh
71	Chăm sóc rốn sơ sinh nhiễm khuẩn
72	Lấy máu gót chân sơ sinh
73	Tắm trẻ sơ sinh
74	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngay sau đẻ
75	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh ngày đầu sau đẻ
76	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh tuần đầu sau đẻ
77	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh 6 đầu sau đẻ
78	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh
79	Chăm sóc và theo dõi trẻ sơ sinh nằm lồng ấp
80	Hồi sức trẻ sơ sinh ngạt sau sinh
81	Cấp cứu sặc sữa
82	Xử trí ban đầu dị vật đường thở trẻ sơ sinh
83	Xử trí ban đầu hạ thân nhiệt ở trẻ sơ sinh
84	Xử trí ban đầu hạ đường huyết ở trẻ sơ sinh
85	Xử trí chảy máu rốn
86	Cố định tạm thời gãy xương trẻ sơ sinh
87	Chăm sóc trẻ sơ sinh được chiếu đèn điều trị vàng da

Người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh được phép thực hiện các kỹ thuật không đánh dấu “*”.

Các kỹ thuật đánh dấu “*”: chỉ người hành nghề có văn bằng chuyên môn là hộ sinh trình độ đại học mới được thực hiện .

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.
- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.

- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y – XÉT NGHIỆM Y HỌC**

(Kèm theo Quyết định số 275 /QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- VB trung cấp, cao đẳng KTXNYH trong nước, nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương.
- VB cử nhân KTXNYH trong nước, nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận tương đương.
- VB cử nhân hóa học, sinh học, được sĩ trình độ đại học trong nước hoặc nước ngoài được công nhận + chứng chỉ/chứng nhận đào tạo chuyên ngành kỹ thuật y học về xét nghiệm tối thiểu 3 tháng hoặc vb đào tạo SDH về CKXN.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 05 tháng thực hành chuyên môn tại khoa Xét nghiệm.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo – Gây mê hồi sức
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Xét nghiệm
A	Đảm bảo chất lượng xét nghiệm
1	Tổ chức quản lý phòng xét nghiệm
2	An toàn phòng xét nghiệm. Sổ tay an toàn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
3	Tổng quan về hệ thống quản lý chất lượng xét nghiệm Tải liệu hồ sơ trong quản lý chất lượng xét nghiệm Khái niệm cơ bản về Quản lý chất lượng giai đoạn trong xét nghiệm: Nội kiểm, ngoại kiểm tra chất lượng xét nghiệm
4	Sai số trong quá trình xét nghiệm: Trước, trong và sau xét nghiệm; biện pháp khắc phục
B	Các dịch vụ kỹ thuật
	A. HUYẾT HỌC TRUYỀN MÁU
1	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy tự động
2	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động
3	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy tự động
4	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp gián tiếp, bằng máy bán tự động
5	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động
6	Định lượng Fibrinogen (Tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss- phương pháp trực tiếp, bằng máy bán tự động
7	Nghiệm pháp rượu (Ethanol test)
8	Nghiệm pháp Von-Kaulla
9	Thời gian tiêu Euglobulin
10	Thời gian máu chảy phương pháp Duke
11	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)
12	Nghiệm pháp dây thắt
13	Bán định lượng D-Dimer
14	Phát hiện kháng đông nội sinh (Tên khác: Mix test)
15	Định lượng Protein C toàn phần (Protein C Antigen)
16	Dàn tiêu bản máu ngoại vi (Phết máu ngoại vi)
17	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)
18	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)
19	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)
20	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi bằng hệ thống tự động hoàn toàn (có nhuộm tiêu bản tự động)
21	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)
22	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)
23	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)
24	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng phương pháp thủ công)
25	Tìm mảnh vỡ hồng cầu
26	Tìm hồng cầu có chấm ưa bazơ

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
27	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)
28	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)
29	Máu lắng (bằng máy tự động)
30	Xét nghiệm tế bào cận nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)
31	Xét nghiệm tế bào trong nước tiểu (bằng máy tự động)
32	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công
33	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động
34	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học
35	Xử lý và đọc tiêu bản (tủy, lách, hạch)
36	Xử lý bệnh phẩm sinh thiết và chẩn đoán tổ chức học
37	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)
38	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)
39	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm laser)
40	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)
41	Làm thủ thuật sinh thiết hạch
42	Xét nghiệm mô bệnh học hạch
43	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
44	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)
45	Định nhóm máu khó hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)
46	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên giấy)
47	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật trên thẻ)
48	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)
49	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)
50	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
51	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (Kỹ thuật ống nghiệm)
52	Điện di huyết sắc tố
53	Xét nghiệm nhanh HBsAg trước hiến máu đối với người hiến máu
54	Lấy máu toàn phần từ người hiến máu
55	Xét nghiệm sàng lọc ký sinh trùng sốt rét đối với đơn vị máu toàn phần và thành phần máu bằng kỹ thuật nhuộm giêmsa soi kính hiển vi
56	Truyền máu tại giường bệnh (bệnh nhân điều trị nội - ngoại trú)
57	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu
	B. HÓA SINH

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
58	Định lượng ACTH (Adrenocorticotrophic hormone) [Máu]
59	Định lượng Acid Uric [Máu]
60	Định lượng Albumin [Máu]
61	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]
62	Đo hoạt độ Amylase [Máu]
63	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]
64	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]
65	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]
66	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]
67	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]
68	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]
69	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]
70	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]
71	Định lượng Calci toàn phần [Máu]
72	Định lượng canci ion hóa bằng điện cực chọn lọc [Máu]
73	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]
74	Định lượng CA 19 - 9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]
75	Định lượng CA 15 - 3 (Cancer Antigen 15- 3) [Máu]
76	Định lượng CA 72 - 4 (Cancer Antigen 72- 4) [Máu]
77	Định lượng Calcitonin [Máu]
78	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]
79	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]
80	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]
81	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]
82	Định lượng C-Peptid [Máu]
83	Định lượng Cystatine C [Máu]
84	Định lượng Cyfra 21- 1 [Máu]
85	Định lượng D-Dimer [Máu]
86	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]
87	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]
88	Định lượng Estradiol [Máu]
89	Định lượng Ferritin [Máu]
90	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]
91	Định lượng Folate [Máu]
92	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]
93	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]
94	Định lượng Glucose [Máu]

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
95	Định lượng Globulin [Máu]
96	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]
97	Định lượng HbA1c [Máu]
98	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
99	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]
100	Định lượng IgA (Immunoglobuline A) [Máu]
101	Định lượng IgG (Immunoglobuline G) [Máu]
102	Định lượng IgM (Immunoglobuline M) [Máu]
103	Định lượng Insulin [Máu]
104	Xét nghiệm Khí máu [Máu]
105	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]
106	Đo hoạt độ Lipase [Máu]
107	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]
108	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]
109	Định lượng Mg [Máu]
110	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]
111	Định lượng Pre-albumin [Máu]
112	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]
113	Định lượng Prolactin [Máu]
114	Định lượng Protein toàn phần [Máu]
115	Định lượng Progesteron [Máu]
116	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]
117	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]
118	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]
119	Định lượng RF (Reumatoid Factor) [Máu]
120	Định lượng Sắt [Máu]
121	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]
122	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]
123	Định lượng Testosterol [Máu]
124	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]
125	Định lượng Transferin [Máu]
126	Định lượng Troponin T [Máu]
127	Định lượng Troponin Ths [Máu]
128	Định lượng Troponin I [Máu]
129	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]
130	Định lượng Vitamin B12 [Máu]
131	Định tính beta hCG (test nhanh) [niệu]

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
132	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]
133	Định tính Opiate (test nhanh) [niệu]
134	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
135	Định tính Heroin (test nhanh) [niệu]
136	Định lượng Clo (dịch não tủy)
137	Định lượng Glucose (dịch não tủy)
138	Phản ứng Pandy [dịch]
139	Định lượng Protein (dịch não tủy)
140	Định lượng Glucose (dịch chọc dò)
141	Định lượng Protein (dịch chọc dò)
142	Phản ứng Rivalta [dịch]
	C.VI SINH
143	Vi khuẩn nhuộm soi
144	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường
145	Vi khuẩn kháng thuốc định tính
146	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi
147	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi
148	<i>Neisseria meningitidis</i> nhuộm soi
149	<i>Chlamydia</i> test nhanh
150	<i>Helicobacter pylori</i> nhuộm soi
151	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh
152	<i>Helicobacter pylori</i> Ab test nhanh
153	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh
154	<i>Treponema pallidum</i> RPR định tính và định lượng
155	Virus test nhanh
156	GeneXpert MTB/RIF
157	HBsAg HBsAg test nhanh
158	HBsAg miễn dịch bán tự động
159	HBsAg miễn dịch tự động
160	HBsAg định lượng
161	HBsAb test nhanh
162	HBsAb miễn dịch bán tự động
163	HBc IgM miễn dịch bán tự động
164	HBc total miễn dịch bán tự động
165	HBeAg test nhanh
166	HBeAg miễn dịch bán tự động
167	HBeAg miễn dịch tự động

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
168	HBeAb test nhanh
169	HBeAb miễn dịch bán tự động
170	HCV Ab test nhanh
171	HCV Ab miễn dịch bán tự động
172	HCV Ab miễn dịch tự động
173	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
174	HAV Ab test nhanh
175	HAV IgM miễn dịch bán tự động
176	HAV total miễn dịch bán tự động
177	HEV Ab test nhanh
178	HEV IgM test nhanh
179	HEV IgM miễn dịch bán tự động
180	HEV IgG miễn dịch bán tự động
181	HEV IgG miễn dịch tự động
182	HIV Ab test nhanh
183	HIV Ag/Ab test nhanh
184	HIV Ab miễn dịch bán tự động
185	HIV Ab miễn dịch tự động
186	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động
187	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động
188	Dengue virus NS1Ag test nhanh
189	Dengue virus IgA test nhanh
190	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động
191	Dengue virus IgM/IgG test nhanh
192	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động
193	EV71 IgM/IgG test nhanh
194	Coronavirus Real-time PCR
195	Influenza virus A, B test nhanh
196	Rotavirus test nhanh
197	Rotavirus Ag miễn dịch bán tự động
198	Rubella virus Ab test nhanh
199	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động
200	Rubella virus IgG miễn dịch bán tự động
201	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi
202	Hồng cầu trong phân test nhanh
203	Trứng giun soi tập trung
204	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
205	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh
206	<i>Demodex</i> soi tươi
207	<i>Phthirus pubis</i> (Rận mu) soi tươi
208	<i>Trichomonas vaginalis</i> soi tươi
209	Vi nấm soi tươi
210	Vi nấm nhuộm soi
211	Vi sinh vật cấy kiểm tra dụng cụ đã tiệt trùng
212	Vi sinh vật cấy kiểm tra bề mặt
213	Vi sinh vật cấy kiểm tra nước sinh hoạt
214	Vi khuẩn gây nhiễm trùng bệnh viện - Phát hiện nguồn nhiễm
	D.GIẢI PHẪU BỆNH
215	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
216	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú
217	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp
218	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da
219	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt
220	Chọc hút kim nhỏ các hạch
221	Chọc hút kim nhỏ mào tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm
222	Chọc hút kim nhỏ mô mềm
223	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim
224	Tế bào học dịch màng khớp
225	Tế bào học dịch chầy phế quản
226	Tế bào học dịch rửa phế quản
227	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang
228	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết
229	Phẫu tích các loại bệnh phẩm làm xét nghiệm mô bệnh học
230	Nhuộm phiến đồ tế bào theo Papanicolaou
231	Nhuộm Giemsa
232	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y CĐHA**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- VB trung cấp, cao đẳng KTHAYH trong nước.
- VB trung cấp, cao đẳng KTHAYH nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận tương đương.
- VB cử nhân KTHAYH trong nước, nước ngoài được Bộ GDĐT công nhận tương đương.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức.
- 05 tháng thực hành chuyên môn tại khoa Chẩn đoán hình ảnh.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Chẩn đoán hình ảnh
A	Các kiến thức chung
1	Quản lý, vận hành, bảo quản các trang thiết bị máy móc chẩn đoán hình ảnh
2	Tiếp đón và chuẩn bị người bệnh trước chụp
3	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Xquang

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
4	Tiếp đón và chuẩn bị bệnh nhân trước chụp Cắt lớp vi tính
B	Dịch vụ kỹ thuật
	A. ĐIỆN QUANG
	1. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)
1	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng
2	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao
3	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến
4	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng
5	Chụp Xquang Hirtz
6	Chụp Xquang hàm chéch một bên
7	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến
8	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng
9	Chụp Xquang Schuller
10	Chụp Xquang Stenvers
11	Chụp Xquang khớp thái dương hàm
12	Chụp Xquang mỏm trâm
13	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng
14	Chụp Xquang cột sống cổ chéch hai bên
15	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế
16	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2
17	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéch
18	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng
19	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéch hai bên
20	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng
21	Chụp Xquang cột sống thắt lưng động, gập ưỡn
22	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze
23	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng
24	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéch hai bên
25	Chụp Xquang khung chậu thẳng
26	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéch
27	Chụp Xquang khớp vai thẳng
28	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéch
29	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng
30	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng
31	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéch
32	Chụp Xquang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle)

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
33	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng
34	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
35	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chếch
36	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên
37	Chụp Xquang khớp háng nghiêng
38	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng
39	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chếch
40	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng
41	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
42	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch
43	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng
44	Chụp Xquang ngực thẳng
45	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên
46	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng
47	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch
48	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn
49	Chụp Xquang thực quản cổ nghiêng
50	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng
51	Chụp Xquang tuyến vú
52	Chụp Xquang tại giường
53	Chụp Xquang tại phòng mổ
54	Chụp Xquang niệu quản-bể thận ngược dòng
55	Chụp Xquang niệu đạo bàng quang ngược dòng
56	Chụp Xquang bàng quang trên xương mu
	2. CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH TỪ 1 – 32 DẤY
57	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang
58	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang
59	Chụp CLVT hàm-mặt không tiêm thuốc cản quang
60	Chụp CLVT hàm-mặt có tiêm thuốc cản quang
61	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa
62	Chụp CLVT tai-xương đá không tiêm thuốc
63	Chụp CLVT hốc mắt
64	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang
65	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang
66	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao
67	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi
68	Chụp cắt lớp vi tính bụng-tiểu khung thường quy

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
69	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)
70	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy
71	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) có dùng sonde
72	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang
73	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang
74	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang
75	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang
76	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng không tiêm thuốc cản quang
77	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang
78	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang
	3. KỸ THUẬT ĐIỆN QUANG MẠCH MÁU VÀ CAN THIỆP
79	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm
80	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm
81	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm
82	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm
83	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
84	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
85	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm
86	Sinh thiết các tạng dưới hướng dẫn siêu âm
87	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm
88	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
89	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm
90	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
91	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm
92	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm
93	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm
94	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm
95	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm
96	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm
97	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm
98	Chọc mạch máu dưới hướng dẫn siêu âm
99	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm
100	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm
	B. THĂM DÒ CHỨC NĂNG
	1. TIM, MẠCH
101	Đo chỉ số ABI (chỉ số cổ chân/cánh tay

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
102	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ
103	Nghiệm pháp rượu (Nghiệm pháp Ethanol)
104	<i>Nghiệm pháp dây thắt</i>
105	<i>Điện tim thường</i>
	2. HÔ HẤP
106	Đo hô hấp ký
107	Test dung tích sống gắng sức (FVC)
108	Test dung tích sống thở chậm (SVC)
	3. THẦN KINH, TÂM THẦN
109	Ghi điện não đồ vi tính
110	Ghi điện não đồ thông thường
	4. TIÊU HÓA, TIẾT NIỆU
111	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước
	5. TAI MŨI HỌNG
112	Phân tích âm giọng nói cơ bản
113	Đo thính lực đơn âm
114	Đo thính lực lời
115	Đo âm ốc tai (OAE) sàng lọc
	6. MẮT
116	Siêu âm A/B
117	Đo độ lồi mắt bằng thước đo Hertel
118	Test thử cảm giác giác mạc
119	Test phát hiện khô mắt
120	Nghiệm pháp phát hiện glaucoma
121	Đo thị trường trung tâm, tìm ám điểm
122	Đo thị trường chu biên
123	Đo sắc giác
124	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)
125	Đo khúc xạ máy
126	Đo khúc xạ giác mạc Javal
127	Thử kính
128	Đo độ lác
129	Xác định sơ đồ song thị
130	Đo độ sâu tiền phòng
131	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)
132	Đo thị lực
	7. CƠ XƯƠNG KHỚP

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
133	Đo mật độ xương bằng máy siêu âm
134	Nghiệm pháp Atropin
	8. NỘI TIẾT
135	Đo đường máu 24 giờ không định lượng Insulin
136	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống (50g Glucose) 2 mẫu cho người bệnh thai nghén
137	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống (75g Glucose) 3 mẫu cho người bệnh thai nghén
138	Nghiệm pháp dung nạp glucose đường uống 2 mẫu không định lượng Insulin

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI
CHỨC DANH KỸ THUẬT Y - PHCN**

(Kèm theo Quyết định số 275/QĐ-TTYT ngày 01/10/2025
của Giám đốc Trung tâm Y tế Tiên Du)

1. Đối tượng thực hành

- VB TC kỹ thuật PHCN, TC kỹ thuật VLTL hoặc cả 2, trong nước và nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận
- VB CD kỹ thuật PHCN, CD kỹ thuật VLTL hoặc cả 2, trong nước và nước ngoài được Bộ LĐTBXH công nhận
- VB cử nhân kỹ thuật PHCN, CN kỹ thuật VLTL, CN hoạt động trị liệu, CN ngôn ngữ trị liệu, trong nước và nước ngoài được Bộ GDDT công nhận.

2. Thời gian, địa điểm thực hành

Các Học viên học thực hành tập trung, toàn thời gian 06 tháng tại Trung tâm Y tế Tiên Du, trong đó:

- 01 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu tại khoa Hồi sức tích cực- Chống độc- Thận nhân tạo.
- 05 tháng thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh tại khoa Y học cổ truyền- Phục hồi chức năng.

3. Nội dung thực hành

3.1 Nội dung thực hành về chuyên môn

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
I	Khoa Hồi sức cấp cứu - Thận nhân tạo - Gây mê hồi sức
1	Chăm sóc người bệnh nặng
2	Ngăn ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện
3	Dự phòng huyết khối tĩnh mạch sâu
4	Vận chuyển an toàn người bệnh
5	Phụ giúp bác sỹ đặt ống nội khí quản và mở khí quản
6	Cấp cứu ngừng tuần hoàn
7	Xử trí sốc phản vệ
II	Khoa Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng
A	Kiến thức chung

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
1	Quản lý, vận hành, bảo quản trang thiết bị máy móc Phục hồi chức năng
2	Tâm lý người bệnh
B	Dịch vụ kỹ thuật
	VẬT LÝ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp điều trị cho người bệnh)
1	Điều trị bằng sóng ngắn
2	Điều trị bằng sóng cực ngắn
3	Điều trị bằng vi sóng
4	Điều trị bằng từ trường
5	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều
6	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc
7	Điều trị bằng siêu âm
8	Điều trị bằng sóng xung kích
9	Điều trị bằng dòng giao thoa
10	Điều trị bằng các dòng điện xung
11	Điều trị bằng tia hồng ngoại
12	Điều trị bằng Laser công suất thấp chiếu ngoài
13	Điều trị bằng Laser công suất thấp nội mạch
14	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ
15	Điều trị bằng nhiệt nóng (chườm nóng)
16	Điều trị bằng nhiệt lạnh (chườm lạnh)
17	Điều trị bằng Parafin
18	Điều trị bằng Oxy cao áp
19	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống
	VẬN ĐỘNG TRỊ LIỆU
20	Kỹ thuật đặt tư thế đúng cho người bệnh liệt tủy
21	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người
22	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người
23	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ do xơ cơ ức đòn chũm
24	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ xơ hoá cơ
25	Kỹ thuật tập vận động cho trẻ bị biến dạng cột sống (cong vẹo, gù, ưỡn)
26	Kỹ thuật xoa bóp
27	Kỹ thuật xoa bóp bằng máy
28	Kỹ thuật xoa bóp dẫn lưu
29	Kỹ thuật vỗ rung lồng ngực

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
30	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu
31	Kỹ thuật di động mô mềm
32	Kỹ thuật ức chế co cứng tay
33	Kỹ thuật ức chế co cứng chân
34	Kỹ thuật ức chế co cứng thân mình
35	Kỹ thuật xoa bóp vùng
36	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân
37	Kỹ thuật thư giãn
38	Kỹ thuật tập bắt buộc tay người bệnh bên liệt (CIMT)
39	Kỹ thuật gương trị liệu
40	Tập vận động cột sống
41	Tập do cứng khớp
42	Tập lăn trở khi nằm
43	Tập thay đổi tư thế từ nằm sang ngồi
44	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động
45	Tập thay đổi tư thế từ ngồi sang đứng
46	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động
47	Tập dáng đi
48	Tập đi với thanh song song
49	Tập đi với khung tập đi
50	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)
51	Tập đi với gậy
52	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)
53	Tập lên, xuống cầu thang
54	Tập đi trên các địa hình khác nhau (đốc, sỏi, gồ ghề...)
55	Tập vận động thụ động
56	Tập vận động có trợ giúp
57	Tập vận động chủ động
58	Tập vận động tự do tứ chi
59	Tập vận động có kháng trở
60	Tập với giàn treo các chi
61	Tập với ròng rọc
62	Tập với dụng cụ quay khớp vai
63	Tập với ghế tập mạnh cơ Tứ đầu đùi
64	Tập với xe đạp tập
65	Tập các kiểu thở
66	Tập ho có trợ giúp

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
67	Tập điều hợp vận động
68	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, Pelvis floor)
	HOẠT ĐỘNG TRỊ LIỆU
69	Kỹ thuật tập sử dụng và điều khiển xe lăn
70	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt hai chân ra vào xe lăn
71	Kỹ thuật hướng dẫn người liệt nửa người ra vào xe lăn
72	Tập các vận động thô của bàn tay
73	Tập các vận động khéo léo của bàn tay
74	Tập phối hợp hai tay
75	Tập phối hợp tay miệng
76	Tập các chức năng sinh hoạt hàng ngày (ADL) (ăn uống, tắm rửa, vệ sinh, vui chơi giải trí...)
77	Tập điều hòa cảm giác
	NGÔN NGỮ TRỊ LIỆU
	(nhân viên y tế trực tiếp hướng dẫn người bệnh tập)
78	Tập nuốt
79	Tập nói
80	Tập nhai
81	Tập phát âm
82	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)
83	Tập cho người thất ngôn
84	Tập luyện giọng
85	Tập sửa lỗi phát âm
	KỸ THUẬT THĂM DÒ, LƯỢNG GIÁ, CHẨN ĐOÁN VÀ ĐIỀU TRỊ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG (nhân viên y tế trực tiếp thực hiện)
86	Lượng giá chức năng người khuyết tật
87	Lượng giá chức năng tim mạch
88	Lượng giá chức năng hô hấp
89	Lượng giá chức năng tâm lý
90	Lượng giá chức năng tri giác và nhận thức
91	Lượng giá chức năng ngôn ngữ
92	Lượng giá chức năng dáng đi
93	Lượng giá chức năng thăng bằng
94	Lượng giá chức năng sinh hoạt hàng ngày
95	Thử cơ bằng tay
96	Đo tầm vận động khớp
97	Lượng giá sự phát triển của trẻ theo nhóm tuổi

TT	NỘI DUNG THỰC HÀNH
98	Lượng giá kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp ở trẻ em
99	Lượng giá kỹ năng vận động tinh và kỹ năng sinh hoạt hàng ngày ở trẻ em
100	Lượng giá kỹ năng vận động thô theo thang điểm GMFM
101	Lượng giá kỹ năng vận động trẻ bại não theo thang điểm GMFCS
102	Lượng giá trẻ tự kỷ theo tiêu chuẩn DSM-IV
103	Lượng giá trẻ tự kỷ bằng thang điểm CARS
104	Kỹ thuật sàng lọc trẻ tự kỷ bằng bảng kiểm M-CHAT
105	Lượng giá mức độ co cứng bằng thang điểm Ashworth cải biên (MAS)
106	Lượng giá tâm trí tối thiểu MMSE
107	Nghiệm pháp đi 6 phút
108	Nghiệm pháp vận động toàn bộ Rickili
109	Nghiệm pháp Tinetti
110	Nghiệm pháp đo thời gian đứng dậy và đi
111	Nghiệm pháp dừng bước khi vừa đi vừa nói
112	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tùy sống
113	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti
114	Kỹ thuật kiểm soát tư thế và vận động cho người bệnh Parkinson
115	Chẩn đoán điện thần kinh cơ

3.2. Nội dung tập huấn về các quy định của pháp luật

Ngoài thực hành các kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh; Học viên học thực hành tại Trung tâm phải tham gia các buổi tập huấn các quy định của pháp luật về khám chữa bệnh, các quy định của Trung tâm được lồng ghép trong thời gian thực hành lâm sàng, cụ thể như sau:

- Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023; Nghị định 96/2023/NĐ-CP của Chính Phủ; Thông tư 32/2023/TT-BYT của Bộ Y tế.

- Quy chế chuyên môn, đạo đức hành nghề;
- Quy chế thường trực; Quy chế hội chẩn của TTYT huyện Tiên Du.
- Các quy định về an toàn người bệnh.
- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.
- Kiểm soát nhiễm khuẩn cơ bản.
- Quy chế lưu trữ hồ sơ bệnh án và quy định về bảo mật thông tin.
- Các văn bản pháp luật khác.

4. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

4.1. Phương pháp đánh giá

- Lượng giá thực hành: bảng kiểm sau khi hoàn thành từng nội dung
- Thực hành: Thao tác trực tiếp trên mẫu vật/ người bệnh.

4.2. Giấy xác nhận quá trình thực hành

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, đạt các yêu cầu theo phương pháp đánh giá như mô tả ở trên.

- Sau khi có nhận xét bằng văn bản của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành, người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định./.